

ĐỀ 1

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian: 90 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Viết phương án đúng (A, B, C hoặc D) vào bài thi

Câu 1. *Truyền kì mạn lục* có nghĩa là gì?

- A. Ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền.
- B. Ghi chép tản mạn những điều có thật xảy ra trong xã hội phong kiến.
- C. Ghi chép tản mạn những câu chuyện lịch sử của nước ta từ xưa đến nay.
- D. Ghi chép tản mạn cuộc đời của những nhân vật kì lạ từ trước đến nay.

Câu 2. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* (Huy Cận) là gì?

- A. Cảm hứng về lao động.
- B. Cảm hứng về thiên nhiên.
- C. Cảm hứng về chiến tranh.
- D. Cảm hứng về thiên nhiên, lao động.

Câu 3. Trong giao tiếp, nói lạc đề là vi phạm phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về lượng.
- B. Phương châm về chất.
- C. Phương châm quan hệ.
- D. Phương châm cách thức.

Câu 4. Câu in đậm trong đoạn văn sau được xếp vào hình thức ngôn ngữ nào?

“Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:
- **Hà, nắng gắt, về nào...**” (Làng- Kim Lân, Ngữ văn 9, tập một, NXBGD)

- A. Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật.
- B. Ngôn ngữ độc thoại của nhân vật.
- C. Ngôn ngữ trần thuật của tác giả.
- D. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm của nhân vật.

II. PHẦN TỰ LUẬN (8.0 điểm)

Câu 5 (3.0 điểm). Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kẻ chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*

- a) Đoạn thơ trên được trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?
- b) Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong đoạn thơ trên.
- c) Từ nội dung của bài thơ trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 đến 12 câu) trình bày suy nghĩ của bản thân về truyền thống “uống nước nhớ nguồn”.

Câu 6 (5.0 điểm).

Cảm nhận của em về nhân vật ông Hai trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân.

.....HẾT.....
(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm).

Họ và tên thí sinh:.....SBD.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm): Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4
Đáp án	A	D	C	B

II. PHẦN TỰ LUẬN (8,0 điểm).

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 5	a) - Đoạn thơ trên thuộc văn bản “Ánh trăng”. - Tác giả là Nguyễn Duy.	0,5 0,5
	b) Các từ láy trong đoạn thơ: vánh vạnh, phăng phắc.	0,5
	c) - Về hình thức: Học sinh biết cách viết đoạn văn nghị luận xã hội có độ dài từ 10-12 câu, có liên kết, mạch lạc. - Về nội dung: Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các nội dung sau: + Uống nước nhớ nguồn là: khi được hưởng thụ thành quả về vật chất và tinh thần, cần biết ơn những người đã tạo ra những thành quả đó. + Những biểu hiện của truyền thống “uống nước nhớ nguồn” trong cuộc sống: xây dựng các đền, miếu, chùa chiền phụng thờ, tôn vinh các bậc anh hùng có công với nước; thờ tổ tiên; phong trào đền ơn đáp nghĩa đối với những thương binh, liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng và những gia đình có công với cách mạng...(d/c) + Liên hệ bản thân: phấn đấu học tập, rèn luyện và tu dưỡng thành con ngoan, trò giỏi để trở thành những công dân có ích cho xã hội.	1,5
Câu 6	- Yêu cầu về kĩ năng: Học sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài, biết cách làm bài văn cảm nhận về nhân vật văn học; bố cục 3 phần rõ ràng; văn viết có hình ảnh, giàu cảm xúc, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu; - Yêu cầu về nội dung: Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các nội dung sau:	
	A. Mở bài: - Giới thiệu tác giả Kim Lân, truyện ngắn Làng. - Giới thiệu khái quát nhân vật ông Hai.	0,5
	B. Thân bài 1. Khái quát: - Truyện ngắn Làng biểu hiện một tình cảm cao đẹp của người nông dân thời đại cách mạng : tình yêu làng xóm, quê hương đã hoà nhập trong tình yêu nước, tinh thần kháng chiến. Tình cảm đó vừa có tính truyền thống vừa có chuyển biến mới. - Thành công của Kim Lân là đã diễn tả tình cảm, tâm lí chung ấy trong sự thể hiện sinh động và độc đáo ở nhân vật ông Hai.	0,5
	2. Cảm nhận về nhân vật ông Hai: * Hoàn cảnh của ông Hai: rất yêu làng, tự hào, hay khoe về làng nhưng lại phải xa làng để đi tản cư. * Tình yêu làng của ông Hai bị đặt vào một tình huống gay gắt, đầy thử thách: tin làng Chợ Dầu theo giặc, phản bội lại cách mạng, kháng chiến: - Khi mới nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc: ông bàng hoàng, sững sờ, không tin (dẫn chứng). - Khi tin ấy được khẳng định chắc chắn, ông xấu hổ, tủi nhục, cứ cúi gằm mà đi. - Những ngày ở nhà:	1,0 2,0

	<p>+ Ông đau đớn, tủi thân, bán tín bán nghi (dẫn chứng). Ông lo sợ vì tuyệt đường sinh sống, thương thân mình và dân làng Chợ Dầu phải mang tiếng là dân làng Việt gian (dẫn chứng).</p> <p>+ Bị đẩy vào đường cùng, tâm trạng ông vô cùng bế tắc. Ông chớm nghĩ quay về làng nhưng lập tức ông phản đối ngay. Tình yêu làng của ông Hai gắn liền với tình yêu đất nước, kháng chiến.</p> <p>+ Trong những ngày buồn khổ ấy, ông chỉ biết tâm sự với đứa con để củng cố niềm tin vào cách mạng, vào kháng chiến (dẫn chứng). Điều đó thể hiện tình cảm, lòng trung thành của ông với cách mạng, với kháng chiến, với Cụ Hồ.</p> <p>- Khi tin dữ được cái chính: , ông Hai tốt cùng vui sướng và càng tự hào về làng chợ Dầu (dẫn chứng).</p> <p>3. Đánh giá về nghệ thuật:</p> <p>- Tình huống truyện đặc sắc giúp nhân vật bộc lộ chiều sâu tâm trạng.</p> <p>- Nhà văn đã thành công trong việc miêu tả tâm lí nhân vật bằng nhiều thủ pháp nghệ thuật khác nhau: lúc trực tiếp bằng bút pháp độc thoại, độc thoại nội tâm, lúc gián tiếp qua nét mặt, giọng nói.</p> <p>- Ngôn ngữ nhân vật mang đậm chất khẩu ngữ, sinh động, giàu giá trị biểu cảm.</p>	0.5
	<p>C. Kết bài:</p> <p>Bằng nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc, nhà văn đã khắc họa thành công tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến, một lòng thủy chung với cách mạng của ông Hai.</p>	0.5

Giám khảo cho điểm tối đa khi bài viết đảm bảo tốt hai yêu cầu về kiến thức và kĩ năng làm bài, cần trân trọng những bài viết sáng tạo, có chất văn.

Lưu ý: Điểm của bài thi là điểm tổng các câu cộng lại; cho điểm từ 0 – 10. Điểm lẻ làm tròn tính đến 0.5.

ĐỀ 2	<p>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</p> <p>Môn NGỮ VĂN LỚP 9</p> <p><i>Thời gian: 90 phút</i></p>
-------------	---

Câu 1: (2 điểm) Nêu ngắn gọn giá trị nội dung và nghệ thuật tác phẩm **Truyện Kiều** của Nguyễn Du.

Câu 2: (2 điểm) Trong hai truyện ngắn đã học: **Làng** của Kim Lân, **Chiếc lược ngà** của Nguyễn Quang Sáng đều có những tình huống bất ngờ đặc sắc. Đó là những tình huống nào?

Câu 3: (1 điểm) Các câu sau mắc lỗi gì? Hãy sửa lại

- Về khuya, đường phố rất im lặng.
- Những hoạt động từ thiện của ông khiến chúng tôi rất cảm xúc.

Câu 4(5 điểm)

- Viết bài văn kể lại buổi sinh hoạt lớp . Trong buổi sinh hoạt đó , em đã phát biểu kiến đề chứng minh Nam là người bạn rất tốt.

ĐÁP ÁN

Câu 1 (2 điểm)

Về nội dung: (1 điểm)

- Bức tranh hiện thực về Xã hội Phong kiến bất công, tàn bạo, chà đạp lên quyền sống của con người
- Số phận bất hạnh của người phụ nữ tài hoa trong Xã hội Phong kiến
- Lên án chế độ Phong kiến vô nhân đạo
- Cảm thương trước số phận bi thảm của con người.
Khẳng định đề cao tài năng, nhân phẩm, ước mơ, khát vọng chân chính

Về nghệ thuật: (1 điểm)

- Tác phẩm là sự kết tinh thành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ, thể loại.
- Với Truyện Kiều ngôn ngữ, ngôn ngữ văn học dân tộc và thể thơ lục bát đạt tới đỉnh cao rực rỡ.
- Với Truyện Kiều nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc, từ nghệ thuật dẫn chuyện đến nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, khắc họa tính cách và miêu tả tâm lí con người

Câu 2 (2 điểm)

Chỉ đúng hai tình huống trong từng truyện

- Làng: Ông Hai nghe tin làng Chợ Dầu làm việt gian theo Pháp (1 điểm)
- Chiếc lược ngà: Anh Sáu về thăm nhà, bé Thu nhất định không nhận ba, đến lúc nhận ba thì đã tới lúc chia tay (1 điểm)

Câu 3 (1 điểm)

- Dùng sai từ “im lặng” vì từ này để nói về con người hoặc cảnh tượng của con người. Thay bằng: Yên tĩnh, vắng lặng (0,5 điểm)
- Dùng sai từ “ cảm xúc” vì từ này thường được dùng như danh từ, có nghĩa là sự rung động trong lòng khi tiếp xúc với sự việc gì. Nên dùng từ cảm phục, xúc động (0,5 điểm)

Câu 4 (5 điểm)

a. Yêu cầu về hình thức

- + Bài có đầy đủ ba phần : Mở bài - Thân bài - Kết bài
- + Học sinh hiểu vấn đề, có định hướng giải quyết đúng đắn ; bố cục chặt chẽ, lý lẽ và phân tích dẫn chứng sát hợp, tình cảm chân thành.
- + Văn trôi chảy, hạn chế các lỗi diễn đạt, chữ rõ, bài sạch.

b. Yêu cầu về nội dung

- Kết hợp tốt các yếu tố: Tự sự kết hợp với nghị luận và miêu tả nội tâm.

Sau đây là các ý cơ bản :

Mở bài (1 điểm)

Giới thiệu chung về tiết học

Tiết ...ngày thứ 7 tuần...tại phòng học ,lớp 9..đã tổ chức buổi sinh hoạt

Thân bài (3 điểm)

- Bạn lớp trưởng chủ trì cuộc họp(**0,5 điểm**)
- Buổi họp bình xét hạnh kiểm trong tuần ý kiến của tổ phê bình Nam Vì một vài lí do nhỏ nào đó mà Nam mới vi phạm. Không khí buổi sinh hoạt thật sôi nổi có nhiều ý kiến phát biểu (**0,75 điểm**)
- Em đưa ra ý kiến thuyết phục và khẳng định Nam là người bạn tốt. (**2 điểm**)
- + Nam ít nói , chăm chỉ học tập , Nam học rất giỏi
- + Nam thường giảng bài giúp đỡ các bạn học yếu vươn lên
- + Nam từng mách cô giáo về việc các bạn tự ý bỏ học đi chơi bóng đá , đi tắm bể bơi
- + Một số bạn trong lớp hiểu lầm cho là Nam mách lẻo để nịnh hót .Tôi thiết nghĩ Nam nói với cô giáo là việc lên làm vì có như vậy Nam mới giúp các bạn nhận ra khuyết điểm để sửa chữa tiến bộ

Kết bài (1 điểm)

- Khẳng định tình bạn trong sáng phải luôn giúp đỡ.

c. Hướng dẫn chấm điểm

- **Điểm 5:** Bài làm đáp ứng đầy đủ nội dung yêu cầu, bố cục rõ ràng, diễn đạt suôn sẻ, mạch lạc, sự việc đầy đủ, hợp lí, sắp xếp phù hợp. Biết cách vận dụng các yếu tố , miêu tả và nghị luận với miêu tả nội tâm vào bài tự sự một cách linh hoạt.Trình bày sạch đẹp.

- **Điểm 4:** Bài làm cơ bản đáp ứng 2/3 các yêu cầu trên. Nhưng đảm bảo được các sự việc của phần thân bài, trình bày rõ ràng, có cảm xúc. Có vận dụng yếu tố biểu cảm, miêu tả vào bài.

- **Điểm 2-3:** Bài viết đáp ứng 1/2 nội dung yêu cầu. Mắc một số lỗi diễn đạt.

- **Điểm 1:** Bài viết sơ sài, chưa nắm được rõ cách làm,

- **Điểm 0:** Bài bỏ giấy trắng.

ĐỀ 3

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGỮ VĂN LỚP 9

Phần trắc nghiệm: (2 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đầu mỗi câu trả lời đúng nhất.

Câu 1:

Văn bản "Con chó Bắc " trích "Tiếng gọi nơi hoang dã" thuộc thể loại :

- A. Tùy bút.
- B. Kịch.
- C. Tiểu thuyết.
- D. Truyện ngắn.

Câu 2:

Bài thơ "Viếng lăng Bác" được viết vào năm :

- A. 1974
- B. 1975
- C. 1976
- D. 1977

Câu 3:

Dòng thơ nào sau đây **không** mang hàm ý?

- A. Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.
- B. Chỉ cần trong xe có một trái tim.
- C. Đêm nay rừng hoang sương muối.
- D. Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương.

Câu 4:

Trong đoạn văn dưới đây, tác giả đã dùng các phép liên kết nào để liên kết câu, liên kết đoạn văn?

"Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xoi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu" (Lão Hạc – Nam Cao)

- A. Phép lặp, phép nối.
- B. Phép thế, phép nối.
- C. Phép lặp, phép liên tưởng.
- D. Phép lặp, phép thế.

Câu 5.

Câu: "Con đường đi qua trước hang, kéo lên đồi, đi đến đâu đó, xa!" (trích Những ngôi sao xa xôi) được dùng với mục đích gì?

- A. Bày tỏ ý nghi vấn.
- B. Trình bày một sự việc.

C. Bộc lộ cảm xúc.

D. Thể hiện sự cầu khiến.

Câu 6:

Văn bản "*Những ngôi sao xa xôi*" là sáng tác của :

A. Nguyễn Đình Thi

B. Nguyễn Minh Châu

C. Lê Minh Khuê

D. Kim Lân

Câu 7:

Bài thơ "*Nói với con*" được nhà thơ Y Phương sáng tác theo thể thơ :

A. Bảy chữ.

B. Tám chữ.

C. Tự do

D. Lục bát.

Câu 8.

Trong câu văn: "*Về các thể văn trong lĩnh vực văn nghệ, chúng ta có thể tin ở tiếng ta, không sợ nó thiếu giàu và đẹp.*" (Phạm Văn Đồng), đâu là thành phần khởi ngữ?

A. các thể văn trong lĩnh vực văn nghệ,

B. chúng ta

C. có thể tin ở tiếng ta,

D. không sợ nó thiếu giàu và đẹp.

Phần II. Tự luận (8 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Cho đoạn văn sau :

“ Ngoài cửa sổ bấy giờ những bông hoa bằng lăng đã thưa thớt – Cái giống hoa ngay khi mới nở màu sắc đã nhợt nhạt. Hẳn có lẽ vì đã hết mùa, hoa đã vãn trên cành, nên mấy bông hoa cuối cùng còn sót lại trở nên đậm sắc hơn.”

(*Bến quê* – Nguyễn Minh Châu)

a. Xác định thành phần chính, thành phần phụ của câu in đậm.

b. Chỉ rõ các thành phần biệt lập được sử dụng trong đoạn văn.

Câu 3 (6 điểm):

Cảm nhận của em về bài thơ "*Sang thu*" của nhà thơ Hữu Thỉnh.

ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm									
Phần trắc nghiệm:(2 đ)											
	<table border="1"><tr><td>Câu</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td></tr></table>	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	Mỗi ý làm đúng
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8			

	Đáp án	A	B	C	D	B	C	C	A		được 0,25đ
Phần tự luận: 8đ											
	<p>Cho đoạn văn sau :</p> <p style="text-align: center;">“ Ngoài cửa sổ bấy giờ những bông hoa bằng lăng đã thưa thớt – Cái giống hoa ngay khi mới nở màu sắc đã nhợt nhạt. Hẳn có lẽ vì đã hết mùa, hoa đã vãn trên cành, nên mấy bông hoa cuối cùng còn sót lại trở nên đậm sắc hơn.”</p> <p style="text-align: center;">(Bén quê – Nguyễn Minh Châu)</p> <p>a. Xác định thành phần chính, thành phần phụ của câu in đậm.</p> <p>b. Chỉ rõ các thành phần biệt lập được sử dụng trong đoạn văn.</p>										
Câu 1: (2 điểm)	a. - Thành phần chính										1 đ
	+ Chủ ngữ: <i>những bông hoa bằng lăng</i>										
	+ Vị ngữ: <i>đã thưa thớt</i>										
	- Thành phần phụ:										
	+ Trạng ngữ: <i>ngoài cửa sổ bấy giờ</i>										0,5 đ
	b. Các thành phần biệt lập:										
	+ Phụ chú: <i>Cái giống hoa ngay khi mới nở màu sắc đã nhợt nhạt.</i>										0,5 đ
	+ Tình thái: <i>Hẳn có lẽ</i>										
	<p style="text-align: center;"><i>Cảm nhận của em về bài thơ "Sang thu" của nhà thơ Hữu Thỉnh.</i></p> <p>a. Mở bài.</p> <p>Giới thiệu được bài thơ "Sang thu" của Hữu Thỉnh và nêu cảm nhận, ý kiến khái quát . (Bài thơ biểu hiện những cảm xúc tinh tế của nhà thơ khi đất trời chuyển từ mùa hạ sang thu. Chỉ với 3 khổ thơ 5 chữ nhưng những cảm nhận, những hình ảnh và sức gợi của bài thơ lại hết sức mới mẻ).</p> <p>b.Thân bài</p> <p>Học sinh có thể trình bày cảm nhận nghệ thuật và nội dung bài thơ qua ngôn từ, hình ảnh... cụ thể:</p>										0,75đ

<p>Câu 2: (6 điểm)</p>	<p><i>a. Khổ 1:</i> Những cảm nhận tinh tế bất ngờ: - Tác giả cảm nhận mùa thu rất riêng, rất mới, bằng sự rung động tinh tế từ các giác quan: + Khứu giác (hương ổi) + Xúc giác (gió se) + Thị giác (sương chùng chình qua ngõ) + Lý trí (hình như thu đã về). - Tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc băng khuâng qua các từ “bồng”, “hình như”. => Tác giả thực sự yêu mùa thu, yêu làng quê, gắn bó với quê hương mới có cảm nhận tinh tế như vậy.</p>	<p>1đ</p>
	<p><i>b. Khổ 2:</i> - Sự vật ở thời điểm giao mùa đã bắt đầu chuyển đổi: + Sông "dềnh dàng" + Chim "bắt đầu vội vã". + Đám mây mùa hạ "vắt nửa mình sang thu". - Hai khổ thơ đầu, các từ ngữ "chùng chình", "dềnh dàng", "vội vã", "vắt nửa mình" dùng phép tu từ nhân hóa vốn là những từ ngữ dùng để chỉ trạng thái, tính chất của người được tác giả dùng để chỉ miêu tả thiên nhiên, vì thế cảnh vật trở nên sống động có hồn.</p>	<p>0,5đ</p>
	<p><i>c. Khổ 3:</i> Cảm nhận về thời điểm giao mùa dần đi vào lý trí, cần hiểu với hai tầng nghĩa. - Hình ảnh tả thực "mưa, nắng, sấm" - Liên tưởng đến một tầng ý nghĩa khác, ý nghĩa về con người và cuộc sống. Tóm lại: Thông qua bài viết rõ ràng, mạch lạc, học sinh thể hiện được: Bài thơ hấp dẫn bởi những từ ngữ gợi cảm, gợi nhiều về cảnh về tình. Nhân hóa làm cho cảnh vật có hồn, gần gũi với cuộc sống. Thể hiện rõ tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.</p>	<p>0,5đ</p>
	<p>3. Kết bài: - Khẳng định giá trị nghệ thuật và nội dung bài thơ. - Nêu cảm xúc khái quát. * Lưu ý: - Hs có thể trình bày bài viết theo nhiều cách khác nhau nhưng cảm nhận đảm bảo đầy đủ về nội dung nghệ thuật của bài thơ. - Lời văn lưu loát, có dẫn chứng cụ thể, biết phân tích, đánh giá, không mắc lỗi diễn đạt mới cho điểm tối đa ở mỗi ý. - Nếu mắc từ 5 lỗi diễn đạt dùng từ, đặt câu, sai chính tả</p>	<p>1đ</p>

	trừ 0.25 – 0.5 điểm. - Sai trên 10 lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu trừ 1.0 điểm.	0,5đ
		0,75đ

ĐỀ 4

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian: 90 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Viết phương án đúng (A, B, C hoặc D) vào bài thi.

Câu 1. Dòng nào sắp xếp đúng trình tự diễn biến của các sự việc trong “Truyện Kiều”?

- A. Gia biến và lưu lạc - Đoàn tụ - Gặp gỡ và đính ước.
- B. Gặp gỡ và đính ước - Đoàn tụ - Gia biến và lưu lạc.
- C. Gia biến và lưu lạc - Gặp gỡ và đính ước - Đoàn tụ.
- D. Gặp gỡ và đính ước - Gia biến và lưu lạc - Đoàn tụ.

Câu 2. Bài thơ “Đồng chí” được sáng tác trong thời kì nào?

- A. Trước Cách mạng tháng 8.
- B. Trong kháng chiến chống

Pháp.

- C. Trong kháng chiến chống Mỹ.
- D. Sau đại thắng mùa xuân năm

1975.

Câu 3. “Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề” định nghĩa cho phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm quan hệ.
- B. Phương châm về chất.
- C. Phương châm về lượng.
- D. Phương châm cách thức.

Câu 4. Tóm tắt văn bản tự sự là:

- A. Kể lại chi tiết các sự việc tiêu biểu.
- B. Kể lại các nhân vật chính.
- C. Nêu nội dung và nghệ thuật của văn bản.
- D. Kể một cách ngắn gọn nhưng đầy đủ các nhân vật và sự việc chính của văn bản.

II. PHẦN TỰ LUẬN (8.0 điểm)

Câu 5 (3.0 điểm). Cho đoạn văn:

“Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hùng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.”

a) Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Ai là tác giả?

b) Chỉ ra những từ láy được sử dụng trong đoạn văn.

c) Từ đoạn trích trên, hãy viết đoạn văn (khoảng 10-12 câu) nêu suy nghĩ của em về ý thức trách nhiệm của mỗi người đối với công việc.

Câu 6 (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về tình cảm của nhân vật ông Sáu dành cho con trong đoạn trích “Chiếc lược ngà” (Nguyễn Quang Sáng).

-----HẾT-----

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm).

Họ và tên thí sinh:..... SBD:.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0.5 điểm

Câu hỏi	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
Đáp án	D	B	A	D

II. PHẦN TỰ LUẬN (8.0 điểm)

Câu 5 (3.0 điểm)

Phần	Nội dung	Điểm
a	- Trích trong văn bản “ Lặng lẽ Sa Pa”	0.25
	- Tác giả: Nguyễn Thành Long.	0.25
b	- Từ láy: Áo ào, lung tung, hùng hực	0.75
c	* Yêu cầu về kĩ năng: học sinh biết viết đoạn văn nghị luận xã hội, diễn đạt trôi chảy, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. Viết đúng hình thức đoạn văn, độ dài từ 10-12 câu. * Yêu cầu về kiến thức: học sinh có thể diễn đạt theo nhiều	

	cách khác nhau nhưng cần có các ý cơ bản sau:	
	- Ý thức trách nhiệm với công việc là làm việc với thái độ nghiêm túc, nỗ lực hết mình để hoàn thành tốt nhất công việc được giao.	0.5
	- Làm việc với lòng yêu thích, say mê, nhiệt tình, có thể phải vượt cả khó khăn, gian khổ, quyết tâm thực hiện và hoàn thành công việc đó (dẫn chứng - phân tích)	0.75
	- Liên hệ bản thân: ý thức trách nhiệm của em với công việc được giao. (Viết không đúng hình thức đoạn văn cho tối đa 0.5 điểm)	0.5

Câu 6 (5.0 điểm)

* **Yêu cầu về kỹ năng:** học sinh biết viết bài văn cảm nhận về một vấn đề trong tác phẩm. Bài viết có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, mạch lạc, dẫn chứng tiêu biểu, cảm xúc chân thực, diễn đạt trôi chảy, không mắc các lỗi dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

* **Yêu cầu về kiến thức:** học sinh có thể nêu cảm nhận của mình theo nhiều cách khác nhau trên cơ sở nắm chắc đoạn trích, tuy nhiên bài viết cần đảm bảo những ý cơ bản sau:

Phần	Nội dung	Điểm
A. Mở bài	- Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Giới thiệu nhân vật ông Sáu và tình cảm của ông với con.	0.5
B. Thân bài	1. Khái quát: - Ông Sáu đi kháng chiến từ lúc con gái chưa đầy tuổi, khi về thăm nhà con đã 8 tuổi, trở trêu thay con không nhận ông là cha. Đến lúc nhận ra cha và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu phải ra đi. - Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ con vào việc làm chiếc lược ngà để tặng con, nhưng chiếc lược chưa đến tay con thì ông Sáu đã hi sinh. - Đặt nhân vật vào tình huống truyện đầy éo le, bất ngờ Nguyễn Quang Sáng diễn tả thật cảm động tình cảm của ông Sáu dành cho con từ lúc về thăm nhà đến khi trở về khu căn cứ.	0.5
	2. Cảm nhận về tình cảm của ông Sáu dành cho con: a. Tình cảm của ông Sáu dành cho con khi về thăm nhà.	

	<p>- Sau những ngày tháng xa cách , đến lúc được về thăm nhà, tình người cha cứ nôn nao trong người ông, xuống chưa cập bến ông đã nhún chân nhảy thót lên, vội vàng bước dài, kêu to “ <i>Thu! Con</i>” bé Thu ngỡ ngác lạ lùng còn ông thì không ghìm nổi xúc động, giọng lắp bắp run run “ <i>Ba đây con</i>” Nhớ con bao nhiêu ông càng khao khát mong gặp con bấy nhiêu nên khi bé Thu sợ hãi bỏ chạy ông “ <i>đứng sững lại, hai tay buông xuống như bị gãy, nhìn theo con</i>”...Hụt hẫng, đau đớn và thất vọng.</p> <p>- Trong 3 ngày ở nhà, ông chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con, mong chờ một tiếng gọi ba của con. Nhưng con bé buồn bã không chịu nhận và gọi ba khiến ông vô cùng đau khổ “ <i>quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười</i>”. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên ông phải cười vậy thôi.</p> <p>+ Trong bữa ăn, ông gấp thức ăn cho con “ <i>miếng trứng cá to vàng để vào chén nó</i>” thể hiện tình yêu thương, chăm chút, muốn bù đắp cho con. Nhưng nó đã từ chối sự quan tâm của ông “ <i>lấy đũa soi vào chén rồi bất thần hất cái trứng ra</i>” khiến ông giận quá, không kịp suy nghĩ đã vung tay đánh con. Điều đó cho thấy ông khao khát mong được con nhận mình đến nhường nào.</p> <p>- Chỉ đến lúc chia tay, ông mới được hưởng hạnh phúc làm cha, được nghe tiếng gọi “Ba” của con, rồi “ <i>một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt</i>”. Hạnh phúc thật ngắn ngủi, vì nhiệm vụ ông lại phải từ biệt con để lên đường. Tình yêu con của người lính cách mạng thật cảm động, vì tiếng gọi của tổ quốc, họ sẵn sàng gác tình riêng để làm nhiệm vụ.</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
	<p><i>b. Tình cảm của ông Sáu dành cho con trong những ngày ở chiến trường.</i></p> <p>- Khi vào chiến trường: thiếu thốn, gian khổ, nguy hiểm vẫn</p>	

	<p>không làm ông người nổi nhớ con. Bao nhiêu tình cảm yêu thương, nhớ nhung, ông dồn vào việc làm cây lược ngà, món quà kỉ niệm cho con (dẫn chứng: tìm ngà voi, cưa từng chiếc răng lược, khắc chữ, đem lược ra ngắm nghía)</p> <p>-> Chiếc lược ngà đối với ông không chỉ là chiếc lược bình thường mà là vật kỉ niệm, chứa đựng bao tình thương và nỗi nhớ của ông đối với con gái yêu. Chiếc lược là niềm an ủi, động viên ông trong những ngày tháng gian khổ. Từ khi cây lược hoàn thành ông càng mong được gặp con.</p> <p>- Khi bị thương nặng: không còn đủ sức trăng trối điều gì, ông đưa tay vào túi móc cây lược đưa cho bạn và nhìn hồi lâu, mọi lời dặn dò, trao gửi đến con đều thể hiện trong ánh mắt cuối cùng ấy. Cái nhìn “không đủ lời lẽ để tả lại” đã nói lên tất cả tình yêu của ông dành cho con. Có thể nói chiếc lược ngà là biểu tượng cho tình cha con, một tình cảm thiêng liêng và bất diệt mà ông Sáu, một chiến sĩ cách mạng kiên trung, đã dành cho con.</p>	<p>0.75</p> <p>0.75</p>
	<p>3. Đánh giá:</p> <p>- Bằng cốt truyện chặt chẽ, hấp dẫn với nhiều tình huống bất ngờ mà hợp lí, cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất đã góp phần thể hiện chân thực mà cảm động tình cha con sâu nặng và cao đẹp trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh.</p>	<p>0.5</p>
<p>C. Kết bài</p>	<p>- Khẳng định lại vấn đề: Với tình cảm thiêng liêng và sâu nặng mà ông Sáu dành cho con “Chiếc lược ngà” xứng đáng được gọi là “ Bài ca về tình phụ tử”</p> <p>- Qua truyện người đọc thấm thía những mất mát không gì bù đắp được của con người trong chiến tranh và càng trân trọng tình cảm cao đẹp trong tâm hồn họ.</p>	<p>0.5</p>

- Giám khảo cho điểm tối đa khi bài viết đảm bảo tốt hai yêu cầu về kiến thức và kĩ năng làm bài, cần trân trọng những bài viết sáng tạo, có chất văn.
- Điểm của bài thi là điểm tổng các câu cộng lại, điểm lẻ làm tròn đến 0.5.

=====

<p>ĐỀ 5</p>	<p>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</p>
--------------------	------------------------------------

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc phần trích sau và trả lời câu hỏi.

Bố đi chân đất. Bố đi ngang dọc đông tây đâu đâu con không hiểu. Con chỉ thấy ngày nào bố cũng ngâm chân xuống nước, xuống bùn để câu quăng. Bố tắt bật đi từ khi ngọn cỏ còn đẫm sương đêm. Khi bố về cũng là lúc ngọn cỏ đã đẫm sương đêm. Cái thùng câu bao lần chà đi, xát lại bằng sắn thuyền, cái ống câu nhẵn mòn, cái cần câu bóng dầu tay cầmCon chỉ biết cái hòm đồ nghề cắt tóc sục mùi dầu máy tra tông -đơ, cái xếp ghế bao lần thay vải nó theo bố đi xa lắm .

Bố ơi! Bố chữa làm sao được lành lặn đôi bàn chân ấy...đôi bàn chân dầm sương dãi nắng đã thành bệnh...

(*Tuổi Thơ im lặng* - **Duy Khán**)

Câu 1. Đoạn trích trên đã sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2. Các từ: *đâu đâu, tắt bật, lành lặn* thuộc loại từ gì?

Câu 3. Xét về cấu tạo ngữ pháp, câu: *“Bố tắt bật đi từ khi ngọn cỏ còn đẫm sương đêm.”* thuộc kiểu câu nào? Vì sao?

Câu 4. Văn bản trên gợi cho em tình cảm gì?

II. TẠO LẬP VĂN BẢN (7.0 điểm):**Câu 1 (2.0 điểm)**

Từ nội dung đoạn trích phần đọc hiểu, em hãy nêu những việc làm của bản thân để bày tỏ lòng biết ơn đối với cha mẹ bằng một đoạn văn khoảng 150 đến 200 chữ ?

Câu 2 (5.0 điểm)

Phân tích nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sapa” của Nguyễn Thành Long ?

Hướng dẫn chấm:

Phần	Câu	Yêu cầu	Điểm
			3.0
	1	Phương thức biểu đạt : Tự sự	0.5

Độc hiểu	2	Từ láy	0.5
	3	Câu trần thuật đơn	0.5
		Vì: Câu chỉ có một kết cấu C - V	0.5
	4	Thể hiện tình yêu và lòng biết ơn với người bố .	1.0
1	Từ nội dung của phần đọc hiểu, em hãy nêu những việc làm của bản thân để bày tỏ lòng biết ơn đối với cha mẹ bằng một đoạn văn khoảng 10 đến 15 dòng.		2.0
	<i>a. Đảm bảo thể thức của đoạn văn</i>		0.25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần trình bày: Những việc làm thể hiện lòng biết ơn.</i>		0.25
	<i>c. Nội dung cần trình bày:</i>		
	<i>HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, dưới đây là một số gợi ý.</i>		0.5
<ul style="list-style-type: none"> + Hiểu và cảm nhận được sự vất vả, tàn tảo của người bố trong đoạn trích. + Từ đó bày tỏ lòng biết ơn đối với cha mẹ bằng những hành động, việc làm cụ thể. 		1.0	
	<p>* Các yêu cầu:</p> <p>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn : Có đầy đủ MB,TB,KB</p> <p>Xác định đúng vấn đề cần phân tích.</p>		0.5

	2	<p>b. Cần đảm bảo được các ý cơ bản sau</p> <p>+ NỘI DUNG</p> <p>- Giới thiệu tác phẩm “Lặng lẽ Sapa” và nhận xét khái quát về nhân vật anh thanh niên. 0.5</p> <p>- Cách xuất hiện, hoàn cảnh sống, công việc, quan niệm, thái độ đối với công việc của anh thanh niên => hoàn cảnh sống đặc biệt, yêu nghề, có quan điểm mới đúng đắn, về công việc 1.5</p> <p>- Những phẩm chất tốt đẹp khác: quan tâm yêu thương người khác, hiếu khách, khiêm tốn, chân thành cởi mở; có nếp sống tươi vui giản dị, ham học hỏi.. 1.0</p> <p>+ NGHỆ THUẬT</p> <p>- Cách đặt tên nhân vật vô danh, cách nhân vật xuất hiện trong tác phẩm, lời văn nhẹ nhàng trau chuốt, đầy chất thơ. 1.0</p>	
		<p>c. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt 0.5</p> <p>d. Liên hệ anh thanh niên tiêu biểu cho con người mới, con người XHCN, sống có lý tưởng cao đẹp.</p>	
Tổng điểm			10.0

Lưu ý chung

1. Đây là đáp án mở, thang điểm không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của các phần nội dung lớn nhất thiết phải có.
2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.
3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Chấp nhận bài viết không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án, nhưng phải hợp lý.
4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ kể chung chung, sắp xếp ý lộn xộn.

ĐỀ 6

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian: 90 phút

I. Trắc nghiệm (2,0 điểm)

Đọc kĩ các câu hỏi dưới đây và chọn câu trả lời đúng ghi vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Bài thơ về tiểu đội xe không kính ra đời trong hoàn cảnh nào?

- A. Trước Cách mạng tháng Tám B. Trong kháng chiến chống Pháp
C. Trong kháng chiến chống Mĩ D. Sau năm 1975

Câu 2. Bài thơ *Bếp lửa* có sự kết hợp phương thức biểu đạt nào?

- A. Biểu cảm, miêu tả B. Biểu cảm, tự sự, miêu tả, bình luận
C. Biểu cảm, tự sự, miêu tả D. Biểu cảm, tự sự

Câu 3. Sự lựa chọn dứt khoát của ông Hai trong truyện ngắn Làng " Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù" phản ánh điều gì?

- A. Ông quyết định dứt bỏ tình cảm với làng.
B. Ông sẽ không bao giờ quay về làng nữa.
C. Ông đã bị đẩy vào tình trạng bế tắc, tuyệt vọng.
D. Tình yêu nước rộng lớn hơn, bao trùm cả tình cảm làng quê.

Câu 4. Các câu văn sau trích trong *Lặng lẽ Sa Pa*) câu nào chứa thuật ngữ?

- A. Ông xách cái làn trứng, cô ôm bó hoa to.
B. Hai người lững thững đi về phía chiếc xe rồi im lặng rất lâu.
C. Mà đã mười một giờ đã đến giờ "ốp" đâu.
D. Tại sao anh ta không tiễn mình ra đến tận xe nhỉ ?

Câu 5. Việc vận dụng các phương châm hội thoại trong giao tiếp cần phù hợp điều gì?

- A. Mục đích giao tiếp B. Nội dung giao tiếp
C. Đối tượng giao tiếp D. Đặc điểm của tình huống giao tiếp

Câu 6. Để người đọc phải suy nghĩ về một vấn đề nào đó, người viết cần đưa vào bài văn tự sự yếu tố nào?

- A. Nghị luận B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Đối thoại, độc thoại

Câu 7. Các ý kiến sau đây nhận xét về bút pháp nghệ thuật trong đoạn trích *Chị em Thúy Kiều*, ý kiến nào đúng?

Ý kiến

a. Tả cảnh thiên nhiên qua bút pháp miêu tả giàu chất tạo hình
b. Dùng những hình tượng thiên nhiên đẹp để nói về vẻ đẹp của con người
c. Miêu tả nội tâm nhân vật bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình
d. Miêu tả ngoại hình nhân vật để dự báo số phận

II. Tự luận (8,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm): Trong cảnh ngộ của mình khi ở lầu Ngưng Bích, Kiều đã nhớ về Kim Trọng trước khi nhớ cha mẹ. Trình tự tâm trạng đó có hợp lí không? Vì sao?

(Giải thích không quá 3 câu văn).

Câu 2 (7,0 điểm): Hãy kể về một giấc mơ để lại trong em ấn tượng sâu sắc, (trong bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và yếu tố nghị luận.)

..... Hết.....

ĐÁP ÁN

Câu	Yêu cầu cần đạt	Điểm
I. Trắc nghiệm		
1	C	0,25
2	B	0,25
3	D	0,25
4	C	0,25
5	D	0,25
6	A	0,25
7	Ý kiến đúng: b, d	0,5
II. Tự luận		

<p>Câu 1 (1,0)</p>	<p>HS bày tỏ quan điểm và có kiến giải phù hợp</p> <p>- Trình tự tâm trạng đó là hợp lí:</p> <p>+ Vàng trắng nơi lầu Ngưng Bích gợi nàng nhớ đến kỉ niệm hẹn ước của hai người, Kiều cảm thấy mình có lỗi với Kim Trọng khi không giữ được lời hẹn ước. Nỗi đau ấy vò xé tâm can nàng.</p> <p>+ Trong cơn gia biến, Kiều đã hi sinh mọi tình đầu để cứu gia đình, Kiều đã phần nào đã làm tròn chữ hiếu.</p> <p>→ Miêu tả tâm trạng nhớ thương của Thúy Kiều vượt qua những định kiến của tư tưởng phong kiến thể hiện rõ sự tinh tế trong ngòi bút của Nguyễn Du</p>	<p>1,0</p>
<p>Câu 2 (7,0)</p>	<p>Hãy kể về một giấc mơ để lại trong em ấn tượng sâu sắc(trong bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và yếu tố nghị luận.)</p> <p>Yêu cầu chung:</p> <p>Học sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng về kiểu bài tự sự có kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm và nghị luận. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.</p> <p>Yêu cầu cụ thể:</p> <p>a. Hình thức: Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</p> <p>- Mức tối đa: Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Phần mở bài giới thiệu nhân vật, sự việc; phần thân bài tổ chức thành các đoạn văn liên kết chặt chẽ, kể chuỗi sự việc theo thứ tự hợp lí, phần kết bài thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu sắc của người kể</p> <p>- Mức chưa tối đa(0,25): Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài song diễn đạt khô khan chưa hấp dẫn</p> <p>b. Nội dung</p> <p>Mở bài</p> <p>- Giới thiệu về giấc mơ: Giấc mơ đó là gì? Ấn tượng, cảm xúc chung về giấc mơ.</p> <p>Thân bài</p> <p>- Kể chi tiết về giấc mơ:</p> <p>+ Giấc mơ xảy ra bao giờ, trong hoàn cảnh nào?</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>

	<p>Câu chuyện trong giấc mơ diễn ra thế nào? Em đã đi đâu, làm gì, gặp ai? Đáng nhớ ở chỗ nào? Hình ảnh đối tượng được kể đến trong giấc mơ khi ấy như thế nào (hình dáng, nét mặt, thái độ, cử chỉ, lời nói...). Cảm xúc, tâm trạng của mình khi ấy ? (Mình đã suy nghĩ gì về sự việc, đối tượng...).</p> <p>+ Kết thúc giấc mơ</p> <p>- Các yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận được thể hiện qua cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ như thế nào?</p> <p>Kết bài</p> <p>- Cảm xúc, suy nghĩ về giấc mơ.</p> <p>Mức tối đa (5 - 6) đảm bảo yêu cầu đề bài, đủ các nội dung trên, miêu tả, biểu cảm, nghị luận phù hợp, câu chuyện chân thực xúc động, giàu ý nghĩa.</p> <p>Mức chưa tối đa (3-4) đảm bảo yêu cầu đề bài, đủ nội dung song còn sơ sài, yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc nghị luận chưa rõ.</p> <p>Mức chưa tối đa (1-2) nội dung sơ sài, thiếu ý.</p>	<p>5,0</p> <p>0,5</p>
	<p>c. Sáng tạo</p> <p>Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố miêu tả, biểu cảm...) thể hiện được một số suy nghĩ riêng sâu sắc; văn viết giàu cảm xúc</p>	<p>0,25</p>
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	<p>0,25</p>
Cộng		10,0

ĐỀ 7

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian: 90 phút

I. Phần đọc - hiểu: 5 điểm

Câu 1 (2,0 điểm): Nêu các hình thức trau dồi vốn từ? Cho ví dụ minh họa.

Câu 2 (3.0 điểm): Đọc đoạn thơ sau và trả lời yêu cầu ở dưới.

“Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái.

Không có kính, ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa, phèo châm điều thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.

Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi”.

- Đoạn thơ trên, thuộc bài thơ nào? Của nhà thơ nào?
- Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?
- Đoạn thơ thể hiện nội dung gì?

II. Phần tạo lập văn bản: 5 điểm

Câu 3 (5.0 điểm): Hãy tưởng tượng em được gặp gỡ và trò chuyện với anh bộ đội Cụ Hồ trong tác phẩm “*Đồng chí*” của tác giả Chính Hữu. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Phần đọc - hiểu: 5 điểm

Câu 1 (2,0 điểm): Nêu các hình thức trau dồi vốn từ?

- Rèn luyện để biết thêm những từ chưa biết, làm tăng vốn từ là việc thường xuyên phải làm để trau dồi vốn từ. (0,5 điểm)

- Rèn luyện để nắm thật đầy đủ và chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ là việc rất quan trọng để trau dồi vốn từ. (0,5 điểm)

- Học sinh nêu ví dụ minh họa đúng. (1,0 điểm)

Câu 2 (3.0 điểm):

a. Đoạn thơ trên thuộc bài: Bài thơ về tiểu đội xe không kính. (0.5đ)

- Của nhà thơ Phạm Tiến Duật. (0.5đ)

b. Thể thơ: Kết hợp linh hoạt thể thơ 7 chữ và 8 chữ. (0.5đ)

c. Đoạn thơ thể hiện : Hình ảnh những chiếc xe không kính. Bom đạn của chiến tranh ác liệt thời đó đã khiến cho những chiếc xe không chỉ không có kính mà còn trần trụi hơn nữa không có đèn, không có mui xe, thùng xe có xước. (0.75đ)

- Đồng thời cho thấy người chiến sĩ lái xe có thái độ ung dung, lạc quan đã bình thản coi thường mọi khó khăn, nguy hiểm và gian khổ. (0.75đ)

II. Phần tạo lập văn bản: 5 điểm

Câu 3 (5.0 điểm): Hãy tưởng tượng em được gặp gỡ và trò chuyện với anh bộ đội Cụ Hồ trong tác phẩm “*Đồng chí*” của tác giả Chính Hữu. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

A YÊU CẦU CHUNG CẦN ĐẠT

1. Về nội dung:

- Đáp ứng đúng mục đích và yêu cầu của bài văn tự sự; tưởng tượng và kể lại cuộc gặp gỡ, trò chuyện của mình với những anh bộ đội Cụ Hồ trong bài thơ **Đồng chí** của tác giả Chính Hữu.

- Qua bài thơ về tình đồng chí, hiện lên vẻ đẹp bình dị mà cao cả của người lính cách mạng, cụ thể ở đây là anh bộ đội hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Trách nhiệm của bản thân đối với quê hương, đất nước.

2. Về hình thức:

- Viết đúng bài văn tự sự, có yếu tố biểu cảm, miêu tả nội tâm và yếu tố nghị luận; đủ bố cục ba phần; đảm bảo tính hoàn chỉnh;

- Diễn đạt, lập luận chặt chẽ, hợp lý; sắp xếp ý, dẫn chứng hợp lý; làm sáng tỏ vấn đề; chữ viết rõ ràng; đúng chuẩn chính tả, ngữ pháp.

B. YÊU CẦU CỤ THỂ

I. DÀN Ý

1. Mở bài

- Giới thiệu về hoàn cảnh dẫn đến cuộc gặp gỡ giữa em và anh bộ đội trong tác phẩm “**Đồng chí**” của tác giả Chính Hữu.

- Suy nghĩ chung của em về anh bộ đội Cụ Hồ trong cuộc kháng chiến chống Pháp khi gặp anh bộ đội, nhân vật trong bài thơ: Hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp là hình ảnh đẹp, biểu tượng đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

- Giới thiệu giới hạn vấn đề: Bài thơ nằm trong chương trình Ngữ văn lớp 9 tập 1.

2. Thân bài

HS: tưởng tượng cuộc gặp gỡ và trò chuyện với anh bộ đội về các vấn đề sau:

- Anh bộ đội xuất thân từ nông dân; họ yêu quê hương mình tha thiết, nhớ quê hương đến quận lòng khi phải xa quê nhưng họ vẫn sẵn sàng bỏ lại những gì quý giá, thân thiết của cuộc sống nơi làng quê để ra đi vì nghĩa lớn.

- Trích dẫn các câu thơ có liên quan trong việc cảm nhận, phân tích các từ ngữ, hình ảnh (các biện pháp nghệ thuật):

+ Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

+ Ruộng nương Lung lay

+ Mặc kệ

+ Giếng nước, gốc đa

- Những người lính cách mạng trải qua nhiều gian lao, thiếu thốn tột cùng, đó là những cơn sốt run người, trang phục mỏng manh giữa mùa đông giá lạnh. Nhưng gian lao thiếu thốn càng làm nổi bật vẻ đẹp của anh bộ đội, làm sáng lên nụ cười của người lính (*sốt run người, cơn ớn lạnh, áo rách, quần vá, chân không giày, miệng cười buốt giá*); những chi tiết về cuộc sống gian khổ, thiếu thốn của người lính được tác giả miêu tả rất thật, không tô vẽ cường điệu, được chọn lọc nên vừa chân thực vừa có sức gợi cảm cao.

- Tình đồng chí, đồng đội sâu sắc, thấm thiết: sự cảm thông, chia sẻ, kề vai sát cánh hoàn thành nhiệm vụ.

- Sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội

+ HS: tưởng tượng, cảm nhận về sự gắn kết giữa ba hình ảnh: Khẩu súng, vầng trăng và người lính giữa rừng hoang sương muối;

+ Hình ảnh *đầu súng trăng treo* là hình ảnh được nhận ra từ những đêm hành quân, phục kích giặc của chính tác giả nhưng hình ảnh ấy còn mang ý nghĩa biểu tượng, được gọi ra từ những liên tưởng phong phú hay đó chính là sự kết hợp giữa chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn.

- Bài học về lẽ sống, niềm tin, tình đồng đội, tình yêu Tổ quốc (Nghị luận)

3. Kết bài

- Kết thúc cuộc gặp gỡ và trò chuyện.

- Tác dụng to lớn của văn học: giúp chúng ta cảm nhận được những tình cảm tốt đẹp của con người, hiểu sâu sắc ý nghĩa của cuộc sống, thấy rõ hơn trách nhiệm của mỗi người đối với xã hội, đối với cuộc đời.

II. BIỂU ĐIỂM

- Điểm 5

+Viết đúng bài văn tự sự, có yếu tố biểu cảm, miêu tả nội tâm và yếu tố nghị luận; đủ bố cục ba phần; đủ ý, liên kết chặt chẽ, bảo đảm tính hoàn chỉnh.

+ Diễn đạt, lập luận chặt chẽ, hợp lý; sắp xếp ý, dẫn chứng hợp lý, làm rõ và sâu sắc vấn đề; chữ viết rõ ràng, đúng chuẩn chính tả, ngữ pháp;

- Điểm 3- 4

+ Nội dung đủ ý như dàn bài; trình bày vấn đề tương đối sâu sắc;

+ Đủ bố cục ba phần; lập luận khá chặt chẽ, mạch lạc; còn mắc một số lỗi nhưng không cơ bản; tưởng tượng đôi lúc còn mang tính gò bó lệ thuộc.

- Điểm 2

+ Nội dung đủ ý, kiến thức chính xác nhưng chưa sâu sắc; tưởng tượng còn mang tính gò bó

+ Đủ bố cục ba phần; trình bày, chữ viết chưa thật cẩn thận, còn mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Điểm 1- 0

+ Nội dung sơ sài, ý nghèo nàn, nội dung chưa đảm bảo theo yêu cầu của đề; bố cục chưa rõ ràng hoặc thiếu, diễn đạt, lập luận hạn chế, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.

+ Lạc đề, sai lạc cả nội dung và hình thức hoặc không viết gì.

* **Lưu ý:** Đáp án là những gợi ý, định hướng chung: khi chấm giáo viên cần chú ý tôn trọng những sáng tạo riêng của học sinh để cho điểm phù hợp, tránh máy móc, khuôn mẫu.

- Điểm trừ tối đa đối với bài không đảm bảo bố cục bài văn là 1 điểm.
- Điểm trừ tối đa đối với bài mắc nhiều lỗi chính tả là 1 điểm.
- Điểm trừ tối đa đối với bài mắc nhiều lỗi diễn đạt là 1 điểm.

ĐỀ 8

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian: 90 phút

I. Trắc nghiệm (2,0 điểm)

Ghi ra giấy thi chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất.

Câu 1. Đặc điểm chủ yếu của *Truyện truyền thuyết* để phân biệt với *Truyện cổ tích* là gì?

- A. Nhân vật là thần thánh hoặc là người.
- B. Nhân vật và hành động của nhân vật không có màu sắc thần thánh.
- C. Gắn liền với các sự kiện và nhân vật lịch sử.
- D. Truyện không có yếu tố hoang đường, kì ảo.

Câu 2. “*Thạch Sanh*” là truyện cổ tích kể về cuộc đời của kiêu nhân vật nào?

- A. Nhân vật là động vật.
- B. Nhân vật thông minh.
- C. Nhân vật người mang lốt vật.
- D. Nhân vật dũng sĩ có tài năng.

Câu 3. Thể loại của văn bản “*Ếch ngồi đáy giếng*” là?

- A. Truyện thuyết.
- B. Truyện cổ tích.
- C. Truyện ngụ ngôn.
- D. Truyện cười.

Câu 4. Hãy cho biết từ “*thiên thần*” có nghĩa là gì?

- A. Thần tài giỏi.
- B. Thần nhân hậu.
- C. Thần trên trời.
- D. Thần núi.

Câu 5. Xác định từ dùng sai trong câu sau đây “*Trong lớp, An thường hay nói năng tự tiện*”.

- A. Trong lớp
- B. An
- C. nói năng
- D. tự tiện

Câu 6. Chức vụ điển hình trong câu của cụm danh từ là gì?

- A. Trạng ngữ
- B. Bổ ngữ
- C. Chủ ngữ
- D. Vị ngữ

Câu 7. Trong các từ sau từ nào thuộc từ loại chỉ từ?

- A. Tập thể
- B. Nhưng
- C. Nọ
- D. Tất cả

Câu 8. Trong các tác phẩm sau, tác phẩm nào thuộc thể loại truyện trung đại?

- A. Sự tích Hồ Gươm.
- B. Mẹ hiền dạy con.
- C. Em bé thông minh.
- D. Thầy bói xem voi.

II. Tự luận (8,0 điểm)

Kể về một người bạn mà em yêu quý.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm (2,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng cho 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	C	C	D	C	C	B

II. Tự luận (8,0 điểm)

Yêu cầu chung:

- Thể loại : văn tự sự.
- Nội dung: Kể về người bạn mà em yêu quý.
- Hình thức: bố cục ba phần, văn phong mạch lạc, chữ viết rõ ràng, đúng chính tả.

Mở bài	- Giới thiệu chung về người bạn em sẽ kể (tên bạn là gì, vì sao em quý bạn...)	1,0 điểm
Thân bài	- Về ngoại hình (những nét nổi bật nhất)	1,0 điểm
	- Kể về tính cách (cách ứng xử với những người xung quanh, với bạn bè trong lớp...)	1,5 điểm
	- Những việc làm của bạn với mọi người và đặc biệt với em	1,5 điểm
	- Kể về tình cảm của bạn giành cho em hoặc kỉ niệm sâu sắc giữa em với bạn	2,0 điểm
Kết bài	- Cảm nghĩ của em về người bạn đó.	0,5 điểm
	- Những bài học em có thể học được từ người bạn của mình.	0,5 điểm

Lưu ý: Trên đây chỉ là những hướng dẫn cơ bản, khi chấm bài TLV, cần tôn trọng tính sáng tạo của học sinh. Chấp nhận cách diễn đạt, thể hiện khác với đáp án mà vẫn đảm bảo nội dung theo chuẩn kiến thức kĩ năng và năng lực, phẩm chất người học.

ĐỀ 9

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian: 90 phút

Phần I. Trắc nghiệm (2,0 điểm)

Ghi ra giấy thi chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất.

Câu 1. Theo Tác giả Lê Anh Trà trong văn bản “*Phong cách Hồ Chí Minh*” quan niệm thẩm mỹ về cuộc sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh là gì?

- A. Phải tạo cho mình một lối sống khác đời, khác người.
- B. Có hiểu biết cao sâu để được người đời tôn sùng.
- C. Đã là con người phải có đạo đức hoàn toàn trong sáng.
- D. Cái đẹp là sự giản dị, tự nhiên, thanh cao.

Câu 2. Ai là tác giả của văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí*?

- A. Kim Lân.
- B. Phạm Tiến Duật.
- C. Ngô gia văn phái.
- D. Nguyễn Thành Long.

Câu 3. Dòng nào sắp xếp đúng trình tự diễn biến các sự việc trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du?

- A. Gặp gỡ và đính ước – Đoàn tụ – Gia biến và lưu lạc.
- B. Gặp gỡ và đính ước – Gia biến là lưu lạc – Đoàn tụ.
- C. Gia biến là lưu lạc – Đoàn tụ – Gặp gỡ và đính ước.
- D. Gia biến là lưu lạc – Gặp gỡ và đính ước – Đoàn tụ.

Câu 4. *Nói giảm nói tránh* là biện pháp tu từ liên quan đến phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về lượng.
- B. Phương châm lịch sự.
- C. Phương châm quan hệ.
- D. Phương châm về chất

Phần II. Tự luận (8,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Cho khổ thơ sau :

*“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng. ...”*

(Bếp lửa - Bằng Việt)

Viết đoạn văn nêu cảm nhận về hình ảnh “*ngọn lửa*” trong khổ thơ?

Câu 2. (6,0 điểm) Đóng vai nhân vật bé Thu kể lại truyện ngắn “*Chiếc lược ngà*” của Nguyễn Quang Sáng, từ khi ông Sáu về thăm nhà. (Kết hợp yếu tố miêu tả và nghị luận).

-----Hết-----

ĐÁP ÁN

PHẦN I: Trắc nghiệm (2,0 điểm) Mỗi câu trả lời đúng cho 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4
Đáp án	D	C	B	B

PHẦN II: Tự luận (8,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

HS viết đoạn văn đảm bảo các ý sau:

- Hình ảnh “ngọn lửa“ thực sớm chiều bà chi chút, tần tảo nhóm lên mỗi sớm mai, chăm lo từng bữa ăn cho cháu trong cuộc sống thường ngày. (1,0 điểm)

- “Ngọn lửa lòng bà”, “Ngọn lửa chứa niềm tin. ..” đó là hình ảnh ẩn dụ: Ngọn lửa đó là tình bà ấm nóng, là niềm tin là niềm hi vọng, là sức mạnh mà bà muốn truyền cho cháu. Ngọn lửa đó có sức tỏa sáng diệu kì nâng đỡ cháu trên bước đường đời cháu đi. (1,0 điểm)

Câu 2. (6,0 điểm)

Yêu cầu chung:

- Thể loại : văn tự sự. (Kết hợp kết hợp miêu tả nội tâm và nghị luận)
- Thay đổi ngôi kể (Bé Thu)- hợp lí, có nhiều cảm xúc , sâu sắc...
- Hình thức: bố cục ba phần, văn phong mạch lạc, chữ viết rõ ràng, đúng chính tả.

Mở bài	Hoàn cảnh nhân vật bé Thu kể lại câu chuyện (Khi đã trở thành cô giao liên)	1,0 điểm
Thân bài	<i>Kể lần lượt các sự việc:</i> - Trong những ngày ông Sáu về thăm nhà. + Giây phút đầu gặp ông Sáu ... + Trong những ngày sau đó... + Khi chia tay...	2,0 điểm
	- Những ngày ông Sáu ở chiến khu và hi sinh (Nghe bác Ba kể lại)	1,0 điểm
	- Khi nhận kỉ vật của cha ...	1,0 điểm

Kết bài	- Tình cảm của bé Thu đối với cha. - Suy ngẫm về chiến tranh, về gia đình , Tổ quốc...	1,0 điểm
---------	---	----------

Lưu ý: Trên đây chỉ là những hướng dẫn cơ bản, khi chấm bài TLV, cần tôn trọng tính sáng tạo của học sinh. Chấp nhận cách diễn đạt, thể hiện khác với đáp án mà vẫn đảm bảo nội dung theo chuẩn kiến thức kỹ năng và năng lực, phẩm chất người học.

ĐỀ 10	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I - **VĂN TIẾNG VIỆT**: (4 điểm).

Câu 1: (2 điểm).

a. Chép 3 câu thơ tiếp theo và cho biết tên bài thơ, tên tác giả.

“...Trăng cứ tròn vành vạnh
.....”

b. Nêu nội dung và nghệ thuật chính của khổ thơ trên

Câu 2: (2 điểm).

a. Có mấy cách phát triển từ vựng ? Kể ra ?

b. Giải nghĩa các từ sau đây: công viên nước, cầu truyền hình.

II - **LÀM VĂN**: (6 điểm).

Sau nhiều năm xa cách, em có dịp về thăm trường cũ. Hãy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động đó.

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HK I

MÔN NGỮ VĂN 9

Câu	Nội dung	Thang điểm
I- VĂN TIẾNG VIỆT Câu 1: (2,0đ)	<p>a. Chép tiếp 3 câu thơ</p> <p>kẻ chi người vô tình</p> <p>ánh trăng im phăng phắc</p> <p>đủ cho ta giết mình.</p> <p>- Tên bài thơ: “Ánh trăng” của Nguyễn Duy.</p> <p>b. Nêu nội dung: Trăng vẫn nghĩa tình tròn vẹn, thủy chung, bao dung cho dù cuộc sống, hoàn cảnh đổi thay. Chính điều này đã làm cho người (nhân vật) cảm thấy ân hận nhận ra lỗi lầm.</p> <p>- Nghệ thuật chính của khổ thơ trên:</p> <p>+ Nhân hóa: ánh trăng im phăng phắc. Ánh trăng được nhân hóa như người bạn tri kỷ của nhân vật.</p>	<p>Chép đúng: mỗi câu 0,25đ</p> <p>+ Sai thứ tự câu thơ (0đ)</p> <p>0,25đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p>
Câu 2: (2,0đ)	<p>a. Nêu đúng 2 cách phát triển từ vựng:</p> <p>+ Pht triển về nghĩa.</p> <p>+ Pht triển về số lượng</p> <p>b. Giải nghĩa từ đúng mỗi từ</p> <p>- Công viên nước: là công viên giải trí với những trò chơi dưới nước như: trượt tuyết, tắm biển, lướt sóng...</p> <p>- Cầu truyền hình: là hình thức truyền hình tại chỗ các hình thức lễ hội hay các hội thao ở những nơi cách xa nhau về địa lí qua hệ thống camera.</p>	<p>Mỗi ý đúng cho 0,5 đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>
II-LÀM VĂN	<p>a/Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu hoàn cảnh, lý do về thăm trường cũ</p> <p>b/Thân bài:</p> <p>- Kể theo trình tự không gian, thời gian:</p> <p>+ Em về thăm trường trong dịp nào, thời gian nào ?</p> <p>+ Có ai đi cùng ?</p> <p>- Cảnh sắc sân trường (có gì thay đổi ?)</p>	<p>1,0đ</p> <p>4,0đ</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Em gặp được những ai ? - Hồi tưởng những kỉ niệm cũ. - Tâm trạng của em khi về trường cũ, gặp lại thầy cô giáo cũ và khi về c/ Kết bài: - Tâm trạng, suy nghĩ của em về ngôi trường, thầy cô và bạn bè. * Yêu cầu cần đạt: - Cách kể, diễn đạt tự nhiên, mạch lạc, bố cục đủ 3 phần; có sự kết hợp các phương thức biểu đạt : tự sự kết hợp Nghị luận, miêu tả; miêu tả nội tâm; sử dụng đối thoại, độc thoại ... *Biểu điểm: - Điểm 5-6: Đảm bảo các yêu cầu trên, bố cục rõ ràng, hợp lý, trình bày sạch đẹp; không sai lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả, đặt câu. - Điểm 3-4: Đảm bảo ½ yêu cầu của điểm 5-6. Sai vài lỗi diễn đạt, chính tả, dùng từ, đặt câu. - Điểm 1-2: Bài viết sơ sài, sai nhiều lỗi diễn đạt, chính tả, dùng từ, đặt câu. 	1,0đ
--	---	------

ĐỀ 11

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian: 90 phút

Câu 1 (3,0đ): Cho câu thơ: “*Quê hương anh nước mặn đồng chua*”

a/ Câu thơ trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b/ Chép tiếp 6 câu thơ tiếp theo cho hoàn chỉnh đoạn thơ gồm 7 dòng. Khái quát nội dung của đoạn thơ vừa chép.

c/ Hình ảnh người lính trong bài thơ này và bài “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” của Phạm Tiến Duật có điểm nào giống nhau?

Câu 2 (1,0đ): Ghi lại lời dẫn trong đoạn trích sau và cho biết đó là lời nói hay ý nghĩ được dẫn, là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp?

Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

- ...Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Hướng chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất....”

Câu 3 (6,0đ): Đóng vai nhân vật ông Hai kể lại truyện ngắn "Làng" của nhà văn Kim Lân.

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
MÔN NGỮ VĂN 9

Câu	Đáp án	Biểu điểm
Câu 1 (3,0đ)	a/ Câu thơ trên trích từ tác phẩm “Đồng chí” của Chính Hữu	0,5 đ
	b/ Chép tiếp 6 câu thơ tiếp theo cho hoàn chỉnh đoạn thơ gồm 7 dòng: <i>Quê hương anh nước mặn đồng chua</i> Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá. Anh với tôi đôi người xa lạ Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau, Súng bên súng đầu sát bên đầu, Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ. Đồng chí!	1,0 đ
	(sai mỗi lỗi trừ 0,25 điểm)	0,5 đ
	- Khái quát nội dung của đoạn thơ vừa chép: Những cơ sở hình thành tình đồng chí, đồng đội.	0,25 đ
	c/ Những điểm giống nhau về hình ảnh người lính trong bài thơ này và bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật: - Vượt qua mọi gian khổ, hiểm nguy để hoàn thành nhiệm vụ - Tinh thần lạc quan, tin tưởng - Tinh đồng chí, đồng đội gắn bó - Tình yêu quê hương, đất nước	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
Câu 2 (1,0đ)	- Lời dẫn trong đoạn trích: <i>“...Và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất....”</i>	0,5 đ
		0,25 đ

	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn lại lời nói - Lời dẫn trực tiếp. 	0,25 đ
<p>Câu 3 (6,0đ)</p>	<p>a. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: Tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả nội tâm, nghị luận; các hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm. - Nội dung: Những ngày đi tản cư, nghe tin làng theo giặc - Ngôi kể: ngôi thứ nhất – xưng “tôi” - Cách thức trình bày: <p>+ Bài viết đảm bảo bố cục 3 phần, phần thân bài được triển khai thành nhiều đoạn, các đoạn văn phải có cấu trúc đảm bảo và phải có tính liên kết chặt chẽ.</p> <p>+ Lời đối thoại phải tự nhiên, linh hoạt, không gượng ép; văn phong trong sáng, giàu tính biểu cảm.</p> <p>b. Yêu cầu cụ thể: Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Mở bài: Giới thiệu nhân vật và sự việc: <ul style="list-style-type: none"> + Tôi là ông Hai ở làng chợ Dầu + Chuyện tôi nhớ mãi: nghe tin làng tôi theo giặc. * Thân bài: Kể lại diễn biến câu chuyện: <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh phải đi tản cư; niềm hãnh diện, tự hào, nỗi nhớ làng da diết và sự quan tâm đến cuộc kháng chiến khi ở nơi tản cư. - Diễn biến tâm trạng khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc từ đó bộc lộ rõ tình yêu làng sâu sắc hòa quyện thống nhất với tình yêu nước. + Mới nghe tin: bàng hoàng, sửng sờ + Trên đường về nhà: xấu hổ không dám ngẩng mặt nhìn ai. + Về đến nhà: đau đớn, nhục nhã, tủi thân. + Mấy ngày liền không ra khỏi nhà, không muốn trò chuyện với mọi người. + Tình thế bế tắc, tuyệt vọng khi bà chủ nhà có ý đuổi ra khỏi nhà, sự đấu tranh nội tâm giữa đi nơi khác hay trở về làng.. + Lời tâm sự với đứa con út thể hiện tấm lòng thủy chung son sắt với cách mạng, với kháng chiến. - Ông chủ tịch lên báo tin nhà bị đốt, làng không theo Tây: Tâm trạng vui sướng vô bờ . * Kết bài: <ul style="list-style-type: none"> - Ấn tượng, cảm xúc và suy nghĩ về làng. 	<p style="text-align: center;">0,5 đ</p> <p style="text-align: center;">0,5 đ</p> <p style="text-align: center;">4,0 đ</p>

	- Điều muốn gửi đến người đọc qua câu chuyện.	0,5 đ 0,5 đ
ĐỀ 12	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>	

Phần I. Đọc, hiểu văn bản (3,0 điểm)

Đọc khổ thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*“Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình”*

(Trích *Ánh trăng* – Nguyễn Duy, *Ngữ văn 9 - Tập một* - NXBGD năm 2014)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định các phương thức biểu đạt trong khổ thơ trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra các từ láy có trong khổ thơ.

Câu 3 (1,0 điểm). Nêu nội dung chính của khổ thơ.

Câu 4 (1,0 điểm). Qua nội dung của khổ thơ trên, em rút ra cho mình thái độ sống như thế nào ?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung khổ thơ phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (từ 8-10 câu) về lòng vị tha.

Câu 2 (5,0 điểm). Em hãy thay lời nhân vật ông Hai, kể lại truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn: Ngữ văn - Lớp (Khối): 79

Thời gian làm bài: 90 phút

(Hướng dẫn chấm gồm 02 trang)

<i>Phần</i>	<i>Câu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Điểm</i>
PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (3 điểm)	1	Các phương thức biểu đạt có trong đoạn thơ trên: Tự sự, miêu tả và biểu cảm.	0,5
	2	Từ láy có trong khổ thơ: vành vạnh, phăng phác. Lưu ý : - HS đưa ra đầy đủ các nội dung trên đạt điểm tối đa; - HS trả lời thiếu một từ trừ 0,25 điểm.	0,5
	3	Nội dung chính của khổ thơ: Con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn luôn tròn đầy, bất diệt.	1,0
	4	HS đưa ra các cách khác nhau theo quan điểm của bản thân nhưng cần phù hợp, không vi phạm đạo đức, pháp luật. GV chấm cần linh hoạt.	1,0
PHẦN II. LÀM VĂN (7 điểm)	1 (2 điểm)	HS viết đoạn văn: Về hình thức phải có mở đoạn, phát triển đoạn và kết đoạn. Các câu phải liên kết với nhau chặt chẽ về nội dung và hình thức.	
		a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn và đảm bảo số câu	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề : bày tỏ tình yêu của em đối với mẹ.	0,25
		c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: Vận dụng tốt các phương thức biểu đạt. Có thể viết đoạn văn theo ý sau: - Nêu khái niệm của lòng vị tha. - Biểu hiện của lòng vị tha. - Ý nghĩa của lòng vị tha. - Rút ra bài học cho bản thân.	1,0
		d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25
	2 (5 điểm)	Viết bài văn biểu cảm Đề: Em hãy thay lời nhân vật ông Hai, kể lại truyện ngắn <i>Làng</i> của nhà văn Kim Lân.	

	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận.</p> <p>Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Các phần, câu, đoạn phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức.</p>	0,25
	b. Xác định đúng nội dung kể	0,25
	<p>c. Học sinh sắp xếp được các đoạn văn thống nhất theo mạch kể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu nhân vật kể chuyện - Nêu hoàn cảnh (nỗi nhớ, lòng tự hào) của nhân vật ông Hai về làng Chợ Dầu. - Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng mình theo giặc - Tâm trạng khi nghe tin cải chính làng Chợ Dầu không theo giặc. - Liên hệ bản thân về tình yêu quê hương, đất nước 	4,0
	d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, có cảm xúc	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 13	<p>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</p> <p>Môn NGỮ VĂN LỚP 9</p> <p><i>Thời gian: 90 phút</i></p>
--------------	---

Phần I (5.5 điểm):

Cho đoạn văn sau:

- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy.

1. Đoạn văn trên thuộc văn bản nào? Của ai? Nêu xuất xứ của văn bản.
2. Xác định các hình thức ngôn ngữ trong đoạn văn và nêu ngắn gọn tác dụng của chúng.
3. Từ hoàn cảnh sống và vẻ đẹp của nhân vật “cháu”- anh thanh niên- trong văn bản trên, hãy viết bài văn nghị luận ngắn trình bày suy nghĩ của em về giá trị của cuộc sống.

Phần II (4.5 điểm):

Bằng bút pháp lãng mạn và trí tưởng tượng phong phú, Huy Cận đã đem đến cho người đọc những câu thơ tuyệt đẹp:

*Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.*

*Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.
Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.*

(Trích "**Đoàn thuyền đánh cá**", Huy Cận)

1. Liệt kê các từ ngữ thuộc trường từ vựng thiên nhiên và trường từ vựng chỉ hoạt động của con người trong đoạn thơ trên. Nêu tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ thuộc hai trường từ vựng đó trong việc biểu đạt nội dung đoạn thơ.

2. Cho câu chủ đề:

“*Đoàn thuyền đánh cá*” của Huy Cận không chỉ là một bức tranh sơn mài lộng lẫy về vẻ đẹp của thiên nhiên như đã phân tích ở trên mà bài thơ còn là lời ngợi ca về đẹp của con người lao động mới.

a. Xác định đề tài của đoạn văn đứng trước câu chủ đề trên.

b. Viết tiếp khoảng 12 câu để tạo thành đoạn văn tổng – phân – hợp hoàn chỉnh, trong đó có sử dụng 1 lời dẫn trực tiếp và 1 câu bị động (gạch dưới lời dẫn trực tiếp và câu bị động).

-----**Hết**-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I - MÔN: NGỮ VĂN 9

Phần I (5.5 điểm)			
Câu	Yêu cầu	Điểm	
1 (1.0 điểm)	- Văn bản: <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> của tác giả Nguyễn Thành Long	0.5	
	- Xuất xứ: Trích từ truyện ngắn cùng tên; truyện ngắn được viết sau chuyến đi Lào Cai vào mùa hè năm 1970 của tác giả	0.5	
2 (1 điểm)	- Hình thức ngôn ngữ trong đoạn văn: Đối thoại và độc thoại (học sinh nếu không giải thích rõ cũng cho điểm tối đa)	0.5	
	- Tác dụng: cho thấy những suy nghĩ, trăn trở của anh thanh niên với công việc, ý thức trách nhiệm của anh với con người, với cuộc đời,...; khiến ta thêm yêu quý, khâm phục anh.	0.5	
3 (3.5 điểm)	* Hình thức: Có cấu trúc đúng yêu cầu cần đạt của một bài văn	0.5	
	* Nội dung:		
	- Anh thanh niên trong <i>Lặng lẽ Sa pa</i> đã tìm được gì cho mình? Ý nghĩa của nó?		1.0
	- Suy nghĩ của cá nhân về giá trị của cuộc sống		1,0
	- Liên hệ với cuộc sống hiện tại và bản thân	1,0	
	<i>(Học sinh có thể có những cách lập luận khác nhau nhưng phải thể hiện được những giá trị truyền thống, nhân văn trong suy nghĩ)</i>		
Phần II (4.5 điểm)			
1 (1 điểm)	- Các từ ngữ thuộc:	0.5	
	+ Trường từ vựng thiên nhiên: <i>trăng, biển, sao, trời, rặng đông, nắng.</i> (Chỉ ra được 2 từ đúng cho 0,5, Nhưng sai 1 từ trừ 0,25đ)		
	+ Trường từ vựng chỉ hoạt động của con người: <i>hát, gọi, kéo, xếp, đón</i> (HS có thể kể cả các từ: <i>gõ, cho, nuôi</i>)	0.5	
	- Tác dụng: Tô đậm vẻ đẹp của thiên nhiên, vũ trụ và vẻ đẹp		

	của con người lao động; khắc họa tư thế làm chủ biển khơi của người ngư dân, người lao động mới	
2 (3.5 điểm)	<p>a. Đề tài của đoạn văn đứng trước câu chủ đề: “<i>Đoàn thuyền đánh cá</i>” của Huy Cận là một bức tranh sơn mài lộng lẫy về vẻ đẹp của thiên nhiên.</p>	0.5
	<p>b. Viết đoạn văn cần đạt các yêu cầu sau:</p> <p>* Hình thức: đúng đoạn văn tổng phân hợp, độ dài khoảng 12 câu, có câu dùng lời dẫn trực tiếp, có câu bị động (mỗi yêu cầu 0,25 điểm)</p>	1.0
	<p>* Nội dung: HS biết phân tích các biện pháp nghệ thuật: so sánh, ẩn dụ; việc sử dụng nhiều động từ, tính từ, các từ ngữ thuộc trường từ vựng chỉ thiên nhiên, chỉ hoạt động của con người,... đã cho thấy tinh thần phấn khởi, lạc quan; khí thế lao động mạnh mẽ đầy tính tập thể của những con người lao động mới đang chinh phục và làm chủ biển khơi...</p> <p>(Nếu nội dung đoạn văn không nêu bật nội dung: <i>bài thơ còn là lời ngợi ca về đẹp của con người lao động mới</i>. Mọi phân tích đều không có giá trị. Cho điểm Không phần nội dung.</p>	2.0

(GK căn cứ bài làm cụ thể của HS để cho điểm phù hợp)

ĐỀ 14	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Viết phương án đúng (A, B, C hoặc D) vào bài thi.

Câu 1. Tác phẩm nào sau đây **không** được viết trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước?

- | | |
|---------------------------------------|--------------------|
| A. Bài thơ về tiểu đội xe không kính. | B. Ánh trăng. |
| C. Lặng lẽ Sa Pa. | D. Chiếc lược ngà. |

Câu 2. Bài thơ nào viết cùng đề tài với bài thơ “**Đồng chí**” của Chính Hữu?

- A. Bài thơ về tiểu đội xe không kính.
 C. Đoàn thuyền đánh cá.
 B. Mùa xuân nho nhỏ.
 D. Bếp lửa.

Câu 3. Thành ngữ “*đánh trống lảng*” liên quan đến phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về lượng. B. Phương châm cách thức.
C. Phương châm về chất. D. Phương châm quan hệ.

Câu 4. Câu văn nào sau đây thể hiện rõ yếu tố nghị luận?

- A. Nét hớn hờ trên mặt người lái xe chọt đuôi ra rồi băng đi một lúc, bác không nói gì nữa.
B. Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây.
C. Thế nhưng, đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao nhiêu cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan.
D. Nói xong, anh chạy vụt đi, cũng tắt tả như khi đến.

II. PHẦN TỰ LUẬN (8.0 điểm)

Câu 5 (3,0 điểm). Cho hai câu thơ sau:

*Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.*

- a) Hai câu thơ trên được trích từ văn bản nào? Ai là tác giả?
b) Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ “*Biển cho ta cá như lòng mẹ*”. Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.
c) Từ ý thơ trên em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 - 12 câu) trình bày suy nghĩ của em về vai trò của biển đảo.

Câu 6 (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm “*Chuyện người con gái Nam Xương*” của tác giả Nguyễn Dữ.

.....Hết.....
(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm).

Họ và tên thí sinh: SBD:

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm): Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4
Đáp án	B	A	D	C

II. PHẦN TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 5	a. Hai câu thơ trên được trích trong văn bản “ Đoàn thuyền đánh cá ” - Tác giả Huy Cận .	0,5 0,25
	b. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ: So sánh. - Tác dụng: Thể hiện lòng biết ơn sâu nặng của ngư dân đối với biển cả quê hương.	0,25 0,5
	c. - Hình thức viết đúng đoạn văn (khoảng 10- 12 câu). - Nội dung. * Giải thích khái quát nội dung ý thơ: + Biển rất giàu đẹp: cho con người nguồn hải sản vô cùng phong phú. + Biển cả đối với ngư dân có ý nghĩa bao la như lòng mẹ, chở che, nuôi nấng họ lớn lên, bao bọc họ bằng một tình cảm trìu mến, thân thương. * Bàn luận: + Khẳng định được vai trò quan trọng của biển.	1,5

	+ Bàn về tình yêu biển, thái độ trách nhiệm. * Bài học nhận thức: Ra sức học tập, lao động, tham gia vào những hoạt động hướng về biển đảo.	
Câu 6	* Về kĩ năng: Học sinh biết viết bài văn cảm nhận về nhân vật trong tác phẩm văn học có bố cục rõ ràng, diễn đạt trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. * Về kiến thức: Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được những ý cơ bản sau:	
	a. Mở bài Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhân vật Vũ Nương (giới thiệu khái quát về đẹp của Vũ Nương: đẹp người, đẹp nét).	0,5
	b.Thân bài b1) Cảm nhận về vẻ đẹp của Vũ Nương: * Đẹp người: tư dung tốt đẹp -> Vẻ đẹp dịu dàng, thuần hậu. * Đẹp nét:	0,25 0,5
	- Vũ Nương là một người con dâu hiếu thảo: + Khi mẹ chồng ốm hết lòng chăm sóc, lễ bái thần phật.(d/c) + Khi mẹ chồng chết lo tang ma chu tất.(d/c)	
	- Vũ Nương là người vợ thủy chung hết lòng yêu thương chồng, vun vén hạnh phúc gia đình: + Khi mới về nhà chồng. (d/c) + Khi tiễn chồng ra trận. (d/c) + Khi chồng đi xa. (d/c) + Khi chồng trở về. (mong được hưởng hạnh phúc nhưng bị chồng nghi oan nằng vẫn nhu mì, thùy mị.) (d/c)	1,0
	- Vũ Nương là một người mẹ yêu con, đảm đang, tháo vát. + Đảm đang: sinh nở một mình, một mình nuôi con thơ, chăm mẹ già đau ốm, thay chồng vun vén quán xuyến việc gia đình, lo tang ma cho mẹ chu tất. (d/c).	0.75
	- Vũ Nương là một người tình nghĩa, nhân hậu, vị tha. + Dù ở thủy cung vẫn luôn quan tâm đến người thân. (d/c). + Sẵn sàng tha thứ cho Trương Sinh. (d/c).	1,0
	b2) Đánh giá về nghệ thuật. - Truyện có kết cấu hai phần để làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp của Vũ Nương, tạo nên cái kết có hậu, làm nên tính truyền kì cho tác phẩm, là bài học đắt giá cho Trương Sinh. - Truyện có kịch tính, thắt nút mở nút gây bất ngờ. - Truyện có sự đan xen giữa yếu tố thực và yếu tố ảo.	0,5
c. Kết bài - Khẳng định vẻ đẹp của Vũ Nương. - Liên hệ đến hình ảnh người phụ nữ trong xã hội ngày nay.	0,5	

Giám khảo cho điểm tối đa khi bài viết đảm bảo tốt hai yêu cầu về kiến thức và kĩ năng làm bài, cần trân trọng những bài viết sáng tạo, có chất văn.

Lưu ý: Điểm của bài thi là điểm tổng các câu cộng lại; cho điểm từ 0 đến 10. Điểm lẻ làm tròn tính đến 0,5.

Học sinh làm bài trên tờ giấy này

Phần I. Đọc hiểu văn bản (3,0 điểm)

Đọc khổ thơ sau và trả lời các câu hỏi:

“Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giết mình”

(Trích *Ánh trăng* – Nguyễn Duy, *Ngữ văn 9 - Tập một* - NXBGD năm 2014)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định các phương thức biểu đạt trong khổ thơ trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra các từ láy có trong khổ thơ.

Câu 3 (1,0 điểm). Nêu nội dung chính của khổ thơ.

Câu 4 (1,0 điểm). Qua nội dung của khổ thơ trên, em rút ra cho mình thái độ sống như thế nào ?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung khổ thơ phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (từ 8-10 câu) về lòng vị tha.

Câu 2 (5,0 điểm). Em hãy thay lời nhân vật ông Hai, kể lại truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	Các phương thức biểu đạt có trong đoạn thơ trên: Tự sự, miêu tả, biểu cảm.	0,5
	2	Từ láy có trong khổ thơ: vành vạnh, phăng phắc. Lưu ý : - HS đưa ra đầy đủ các nội dung trên đạt điểm tối đa;	0,5

		- HS trả lời thiếu một từ trừ 0,25 điểm.	
	3	Nội dung chính của khổ thơ: Con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn luôn tròn đầy, bất diệt.	1,0
	4	HS đưa ra các cách khác nhau theo quan điểm của bản thân nhưng cần phù hợp, không vi phạm đạo đức, pháp luật. GV chấm cần linh hoạt.	1,0

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung khổ thơ phân đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 8-10 câu) về lòng vị tha.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
II. Làm văn	Câu 1 (2,0 điểm)	a. Đúng hình thức đoạn văn (mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn)	0,25
		b. Xác định đúng nội dung trình bày trong đoạn văn.	0,25
		c. Triển khai nội dung đoạn văn hợp lý. Có thể theo các ý sau: - Nêu khái niệm của lòng vị tha. - Biểu hiện của lòng vị tha. - Ý nghĩa của lòng vị tha. - Rút ra bài học cho bản thân.	1,0
		d. Sáng tạo, cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng của bản thân.	0,25
		e. Chính tả: Đảm bảo những quy tắc về chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25

Câu 2. (5,0 điểm) Em hãy thay lời nhân vật ông Hai, kể lại truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân.

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự, trình bày đầy đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.	1,0

<p>Câu 2 5,0 điểm</p>	<p>b. Xác định đúng nội dung kể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu nhân vật kể chuyện - Nêu hoàn cảnh (nỗi nhớ, lòng tự hào) của nhân vật ông Hai về làng Chợ Dầu. - Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng mình theo giặc - Tâm trạng khi nghe tin cải chính làng Chợ Dầu không theo giặc. - Liên hệ bản thân về tình yêu quê hương, đất nước 	<p>2,5</p>	
	<p>c. Học sinh sắp xếp được các đoạn văn thống nhất theo mạch kể</p>	<p>0,5</p>	
	<p>d. Sáng tạo trong cách kể</p>	<p>0,5</p>	
	<p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đúng chính tả, ngữ pháp, nghĩa Tiếng Việt</p>	<p>0,5</p>	

ĐỀ 15

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian: 90 phút

Phần I. Đọc - hiểu (3,0 điểm)

Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng.

(Trích *Chuyện người con gái Nam Xương*, Nguyễn Dữ,

Ngữ Văn 9, tập một, NXB Giáo dục VN, 2013)

Câu 1. Tìm từ ngữ xung hô trong đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Từ ngữ xưng hô trên gọi sắc thái gì? (0,5 điểm)

Câu 3. Nêu nội dung khái quát đoạn trích. (1,0 điểm)

Câu 4. Vì sao Vũ Nương chỉ mong Trương Sinh trở về “*binh yên*”, chứ không mong “*đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về*”? (1,0 điểm)

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn ngắn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày ý kiến của em về nét đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam.

Câu 2. (5,0 điểm)

Em hãy đóng vai Lục Vân Tiên kể lại *Truyện Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (Nguyễn Đình Chiểu).

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - LỚP 9

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
Phần I: Đọc – hiểu (3 điểm)	1	Chàng, thiếp.	0,5
	2	Cổ xưa.	0,5
	3	Lời dặn dò chồng một cách đầm thắm đầy tình nghĩa và lòng khắc khoải nhớ thương.	1,0
	4	- Thể hiện sự cảm thông của Vũ Nương với những vất vả gian lao mà Trương Sinh phải gánh chịu ở chiến trường. - Phê phán cuộc chiến tranh phi nghĩa.	1,0
Phần II: Làm văn (7 điểm)	1	HS viết được đoạn văn theo yêu cầu, song cần đảm bảo nội dung: trình bày được suy nghĩ về nét đẹp trong tâm hồn của người phụ nữ VN: hiền lành, hết lòng chăm lo cho gia đình; đảm đang tích cực trong công việc; giỏi việc nước, đảm việc nhà...	2,0
	2	- Về hình thức: Yêu cầu HS xác định được thể loại bài viết: tự sự kết hợp với yếu tố nghị luận, miêu tả; trình bày đảm bảo bố cục văn bản, lời văn diễn đạt rõ ràng...	0,5

	<p>- Về nội dung: HS cần đảm bảo các ý sau.</p> <p>+ MB: Lời giới thiệu của Trương Sinh (Về quê quán, gia cảnh, về người vợ của mình)</p> <p>+ TB:</p> <p>*Trước khi đi lính:</p> <ul style="list-style-type: none">• Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc.• Đất nước có chiến tranh, triều đình bắt đi lính đánh giặc. Tuy con nhà hào phú nhưng không có học nên tên phải ghi trong sổ lính đi vào loại đầu.• Xa gia đình trong cảnh mẹ già, vợ bụng mang dạ chửa. <p>* Khi trở về:</p> <ul style="list-style-type: none">• Mẹ đã mất, con trai đang tuổi học nói.• Tin vào câu nói của con nên đã hiểu lầm vợ.• Ghen tuông mù quáng nên đã đẩy người vợ đến cái chết oan uất.• Sau đó biết là mình đã nghi oan cho vợ nhưng việc trót đã qua rồi <p>+ KB:</p> <ul style="list-style-type: none">• Ân hận vì mình đã mù quáng nghi oan cho vợ khiến gia đình tan nát.• Mong mọi người nhìn vào bi kịch gia đình để rút ra bài học.	4,5
--	--	-----

----- HẾT -----

ĐỀ 16	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

PHẦN I: (7 điểm)

Viết 3 câu thơ tiếp theo để hoàn thiện khổ thơ sau:

“...Không có kính, rồi xe không có đèn...”

1. Đoạn thơ vừa chép được trích từ tác phẩm nào? Của ai?
2. Giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm?

3. Hãy chỉ ra những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong khổ thơ?
4. Trong chương trình Ngữ văn 9 còn có một bài thơ khác cũng nói về tình đồng chí, đồng đội. Đó là bài thơ nào? Của ai?
5. Bằng một đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu, hãy nêu cảm nhận của em về phẩm chất cao đẹp của những người lính lái xe trong khổ thơ trên.

PHẦN II: (3 điểm)

Một trong những yếu tố tạo nên sự thành công của truyện ngắn “*Lặng lẽ Sa Pa*” là việc tác giả đã tạo dựng được tình huống truyện bất ngờ nhưng hết sức tự nhiên, hợp lý.

- Hãy chỉ rõ tình huống truyện đó.
- Từ hình tượng nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm, em có suy nghĩ gì về cách sống của thế hệ trẻ hiện nay? Hãy trình bày bằng một đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi.

ĐÁP ÁN

PHẦN I (7 điểm).

Câu	Yêu cầu	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	Chép đúng ba câu thơ cuối trong bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”	
	<i>“Không có mui xe, thùng xe có xước, Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước: Chỉ cần trong xe có một trái tim.”</i>	0,5
	Đoạn thơ vừa chép trích từ tác phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của tác giả Phạm Tiến Duật, sáng tác năm 1969.	0,5
Câu 2 (1 điểm)	Giải thích ý nghĩa nhan đề: (1 điểm)	0,25
	- Nhan đề khá dài tưởng có chỗ thừa bởi chứa tới 8 âm tiết khiến cho nó gần với văn xuôi hơn là sự chặt lọc của thơ nhưng lại thu hút người đọc bởi vẻ lạ và độc đáo “xe không kính”. Không những thế, đây không phải là một chiếc xe mà là một “ <i>tiểu đội xe không kính</i> ”.	0,25
	- Nhan đề làm nổi bật hình ảnh toàn bài: Những chiếc xe không kính. Đó vừa là hình ảnh độc đáo vừa là hình ảnh phản ánh hiện thực khốc liệt của cuộc chiến tranh.	0,25
	- Hai chữ “ <i>Bài thơ</i> ” gợi một cái nhìn mơ mộng vào đời sống chiến tranh khốc liệt. Hóa ra thi sĩ không muốn dừng ở những chiếc xe không kính khốc liệt mà chủ yếu nói về chất thơ của hiện thực ấy - chất thơ của tâm hồn người chiến sĩ, chất thơ của tuổi trẻ hiên ngang, lạc quan, dũng cảm và khúc khích tiếng cười bay lên trên bom đạn...	0,25
	- Nhan đề đã thể hiện nội dung tư tưởng chủ đề của bài thơ và trở thành một nhan đề ẩn tượng: khốc liệt mà mơ mộng; hiện thực mà lãng mạn; gồ ghề chất văn xuôi mà vẫn bay bổng chất thơ ca...	
Câu 3 (1 điểm)	Những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong khổ thơ: - Điệp từ: Từ “không” được nhắc đi, nhắc lại ba lần trong 2 câu thơ “ <i>Không kính rồi xe không có đèn. Không có mui xe, thùng xe có xước.</i> ”	0,25

	<p>- Hoán dụ: Hình ảnh “trái tim” trong câu thơ “<i>Chỉ cần trong xe có một trái tim</i>”.</p> <p>- Liệt kê: Kính, đèn, mui xe, thùng xe</p> <p>- Đôi lập, tương phản: “<i>không</i>” và “<i>có</i>”.</p> <p>+ <i>Không</i> kính, <i>không</i> đèn, <i>không</i> mui nhưng lại <i>có</i> xước.</p> <p>+ <i>Không</i> kính, <i>không</i> đèn, <i>không</i> mui nhưng quan trọng là “<i>có</i> một trái tim”.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
Câu 4 (0,5 điểm)	<p>- HS nêu đúng tên tác phẩm: Đồng chí</p> <p>- HS nêu đúng tên tác giả: Chính Hữu</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
Câu 5 (3,5 điểm)	<p>* HS hoàn thành đoạn văn diễn dịch:</p> <p>- Mở đoạn: đặt yêu cầu về hình thức là trình bày trong một đoạn văn (<i>tính từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng cho đến chỗ xuống dòng</i>) và nội dung là nêu được ý chính của cả đoạn (<i>phẩm chất cao đẹp của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn là tinh thần dũng cảm và tình yêu nước nồng nàn</i>).</p> <p>- Thân đoạn: Biết bám vào ngữ liệu, khai thác hiệu quả các tín hiệu nghệ thuật (điệp từ, hoán dụ, tương phản, lời thơ giản dị...) có dẫn chứng, lý lẽ làm sáng tỏ phẩm chất cao đẹp thấm thía trách nhiệm, niềm tin và lý tưởng của những người lính lái xe Trường Sơn. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí quyết tâm chiến đấu chống Mĩ để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cụ thể như sau:</p> <p>+ Càng đi sâu vào chiến trường, người chiến sĩ lái xe càng gặp nhiều gian khổ ác liệt; bom rơi, đạn nổ càng dữ dội. Điệp từ “<i>không</i>” được nhắc đi, nhắc lại ba lần: “<i>Không có kính ... có xước</i>” làm cho những chiếc xe càng thêm biến dạng nhưng vẫn băng băng ra trận: “<i>Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước</i>”. Chữ “<i>có</i>” trong “<i>có xước</i>” không làm cho những chiếc xe voi đi sự tàn phá mà lại làm cho chúng tiếp tục bị tàn phá, bị biến dạng thêm.</p> <p>+ Hình ảnh hoán dụ “trái tim” trong câu thơ “<i>Chỉ cần trong xe có một trái tim</i>” là biểu tượng của lòng yêu nước, ý chí chiến đấu vì miền Nam ruột thịt của những người lính lái xe Trường Sơn. Hình ảnh ấy đã nâng cao tình cảm, tầm vóc của những người chiến sĩ đầy khí phách, lý tưởng và niềm tin góp phần thể hiện sâu sắc chủ đề của bài thơ.</p> <p>+ <i>Không</i> kính, <i>không</i> đèn, <i>không</i> mui nhưng <i>có</i> xước và quan trọng là “<i>có một trái tim</i>”. Cùng với nghệ thuật điệp từ, liệt kê, nghệ thuật đối lập, tương phản giữa phương tiện vật chất với tinh thần quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh ở những chữ “<i>không</i>” và “<i>có</i>” đã tạo thành phép chơi chữ tài hoa cho thấy sức mạnh quyết định của chiến tranh không phải là vũ khí, là phương tiện vật chất mà là con người với nhiệt huyết và lý tưởng cao đẹp.</p> <p>(Nếu đoạn văn quá dài hoặc quá ngắn, hoặc nhiều đoạn trừ 0,5 điểm)</p>	<p>0,5</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>1</p>

PHẦN II (3 điểm).

Câu	Yêu cầu	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	<p>HS nêu chính xác tình huống truyện: Cuộc gặp gỡ bất ngờ và ngăn ngui giữa nhà họa sĩ, cô kỹ sư và anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m.</p>	1
	<p>* HS phải đảm bảo những yêu cầu:</p> <p>- Hình thức: Viết được một đoạn văn tổng - phân - hợp có độ dài khoảng nửa trang giấy thi, có sự kết hợp các phương thức biểu đạt, cách diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, không sai lỗi chính tả, lỗi dùng từ,</p>	0,5

Câu 2 (2 điểm)	đặt câu... - Nội dung: + Từ nhân vật anh thanh niên, trình bày suy nghĩ về cách sống của thế hệ trẻ hiện nay: đại đa số sống có mục đích, lý tưởng, sẵn sàng đóng góp sức lực, trí tuệ xây dựng đất nước. Bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận không nhỏ thanh, thiếu niên đua đòi, ăn chơi, sa ngã, sống không có mục đích, trở thành gánh nặng của gia đình và xã hội. + Liên hệ bản thân. <i>(Khuyến khích HS có những quan điểm riêng nhưng phải hợp lý, thuyết phục, không có những suy nghĩ tiêu cực, lệch lạc)</i>	1
		0,5

ĐỀ 17

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian: 90 phút

I - **VĂN TIẾNG VIỆT**: (4 điểm).

Câu 1: (2 điểm).

- Chép hai câu thơ cuối trong bài “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.
- Hai câu thơ ấy cho em biết phẩm chất gì của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn?

Câu 2: (2 điểm).

- Thế nào là thuật ngữ?
- Từ in đậm trong câu sau có phải là thuật ngữ không? Vì sao?

Ở đây gần bạn, gần thầy

Có công mài **sắt** có ngày nên **kim**.

II - **LÀM VĂN**: (6 điểm).

Hãy kể lại một câu chuyện đáng nhớ của bản thân.

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HK I (2017-2018)

MÔN NGỮ VĂN 9

Câu	Nội dung	Thang điểm
I- VĂN TIẾNG VIỆT		
1	<i>a. Chép hai câu thơ cuối trong bài “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính”</i> <i>“...Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước Chỉ cần trong xe có một trái tim”.</i>	1,0 1,0
	<i>b. Hai câu thơ kết khẳng định phẩm chất anh hùng, bất khuất của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mĩ. Dù những chiếc xe “ không có...” thiếu đi nhiều thứ nhưng đẹp nhất trong xe “ có một trái tim” – một tình yêu Tổ quốc nồng nàn. Trái tim của tuổi trẻ giàu nhiệt huyết, sẵn sàng, bất chấp mọi khó khăn, nguy hiểm để chiến đấu vì miền Nam ruột thịt, vì sự nghiệp giải phóng đất nước.</i>	
2	<i>a. Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.</i>	1,0
	<i>b. Từ in đậm không phải là thuật ngữ. Vì có tính biểu cảm, thể hiện nội dung: nếu cần cù, cố gắng, quyết tâm thì sẽ thành công.</i>	1,0
II-LÀM VĂN	<i>a/Mở bài: (1đ)</i> Giới thiệu câu chuyện và lý do là câu chuyện đáng nhớ. <i>b/Thân bài: (4đ)</i> Kể theo trình tự không gian, thời gian. - Sự việc mở đầu: hoàn cảnh xảy ra sự việc. - Diễn biến câu chuyện, các sự việc trong câu chuyện (suy nghĩ, cảm giác, đối thoại, độc thoại,...)	

<p>- Cao trào , đỉnh điểm sự việc : việc đáng nhớ, ấn tượng ... (những suy nghĩ, tâm trạng, đối thoại, nội tâm..)</p> <p>- Kết thúc câu chuyện, sự việc: bài học, ý nghĩa câu chuyện được kể.</p> <p>c/ Kết bài: (1đ)</p> <p>Suy nghĩ, tâm trạng của bản thân khi kể câu chuyện.</p> <p><i>* Yêu cầu cần đạt:</i></p> <p>- Kể chuyện tự nhiên, mạch lạc, bố cục đủ 3 phần.</p> <p>- Kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn tự sự: miêu tả, nghị luận, đối thoại, độc thoại nội tâm,..</p> <p><i>*Biểu điểm:</i></p> <p>- Điểm 5-6: Đảm bảo các yêu cầu trên, bố cục rõ ràng, hợp lý, tự sự kết hợp với nghị luận, miêu tả nội tâm, các hình thức đối thoại.</p> <p>- Điểm 3-4: Đảm bảo ½ yêu cầu của điểm 5-6. Sai vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.</p> <p>- Điểm 1-2: Bài viết sơ sài, sai nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	
--	--

ĐỀ 18

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian: 90 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Viết phương án đúng (A, B, C hoặc D) vào bài thi

Câu 1. Tác giả bài thơ “*Đoàn thuyền đánh cá*” là ai?

A. Thanh Hải.

B. Chính Hữu.

C. Huy Cận.

D. Viễn Phương.

Câu 2. “Khi giao tiếp, cần nói ngắn gọn, rành mạch, tránh cách nói mơ hồ” định nghĩa cho phương châm hội thoại nào dưới đây?

A. Phương châm về chất.

B. Phương châm về lượng.

C. Phương châm quan hệ.

D. Phương châm cách thức.

Câu 3. Truyện ngắn “*Chiếc lược ngà*” của Nguyễn Quang Sáng được sáng tác vào thời kì nào?

A. Thời kì kháng chiến chống Pháp.

B. Thời kì kháng chiến chống Mỹ.

C. Thời kì trung đại.

D. Thời kì sau năm 1975.

Câu 4. “*Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:*

- Hà, nắng gớm, về nào... ”. (Trích *Làng*- Kim Lân, Ngữ văn 9, tập 1).

Câu in đậm trong đoạn văn trên thuộc hình thức ngôn ngữ nào?

A. Ngôn ngữ độc thoại của nhân vật.

B. Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật.

C. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm của nhân vật.

D. Ngôn ngữ trần thuật của tác giả.

II. PHẦN TỰ LUẬN (8.0 điểm)

Câu 5 (3.0 điểm). Cho đoạn văn:

“Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc. Đồng thời chúng hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng. Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ...”

a) Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào?

b) Câu văn “*Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc*” là câu đơn hay câu ghép?

c) Từ nội dung phần trích trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10-12 câu) trình bày suy nghĩ về *tình yêu thương của con người*.

Câu 6 (5.0 điểm).

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Thúy Kiều qua đoạn trích “*Chị em Thúy Kiều*” (Truyện Kiều của Nguyễn Du).

-----HẾT-----

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm).

- Họ và tên thí sinh:SBD.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm).

Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

Câu hỏi	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
Đáp án	C	D	B	A

II. PHẦN TỰ LUẬN (8.0 điểm).

Câu	Nội dung trình bày	Điểm
	a) Tên văn bản: <i>Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.</i>	0,75
	b) Câu văn: <i>“Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc.” => là câu đơn.</i>	0,75
Câu 5	<p>c) Viết đoạn văn</p> <p>* Yêu cầu về kĩ năng: Biết cách viết đoạn nghị luận xã hội, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.</p> <p>* Yêu cầu về nội dung: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau đáp ứng được những nội dung cơ bản sau:</p> <p>* Tình yêu thương là sự đồng cảm, sẻ chia giữa con người với con người trong cuộc sống. Đó là tình cảm tốt đẹp nhất, là món quà tuyệt vời mà tạo hoá đã ban tặng.</p> <p>* Bàn luận:</p> <p>- Biểu hiện của tình yêu thương: cảm thông, quan tâm, giúp đỡ những người có cảnh ngộ bất hạnh, khó khăn trong cuộc sống; yêu mến, trân trọng những người có phẩm chất đạo đức, tình cảm cao đẹp... (d/c)</p> <p>- Được sống trong tình yêu thương, sống để yêu thương mỗi chúng ta sẽ cảm nhận được niềm hạnh phúc, có thêm niềm tin, sức mạnh và khát khao vươn tới.</p> <p>- Cuộc sống sẽ trở nên khô cằn, u tối nếu thiếu tình yêu thương, nếu xung quanh ta là những người vị kỉ.</p> <p>* Liên hệ: Mỗi chúng ta phải luôn thắp lên ngọn lửa yêu thương, kết nối trái tim của triệu triệu con người.</p>	1,5
Câu 6	<p>* Yêu cầu về kĩ năng: học sinh nắm được kĩ năng làm bài văn cảm nhận về một nhân vật trong tác phẩm truyện thơ nôm. Bài viết có bố cục rõ ràng, cảm xúc chân thực, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.</p> <p>* Yêu cầu về kiến thức: học sinh có thể trình bày cảm nhận theo nhiều cách</p>	

khác nhau, tuy nhiên cần đảm bảo các ý cơ bản sau:		
A. Mở bài		
<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về Nguyễn Du và Truyện Kiều; giới thiệu vị trí đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”. - Nêu cảm nhận khái quát về vẻ đẹp của Thúy Kiều trong đoạn trích. 		0,5
B. Thân bài		
1. Khái quát về giá trị đoạn trích:		
<ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích “<i>Chị em Thúy Kiều</i>” tác giả sử dụng bút pháp nghệ thuật ước lệ, lấy vẻ đẹp thiên nhiên để ngợi ca vẻ đẹp con người, khắc họa rõ nét chân dung chị em Thúy Kiều. Ca ngợi tài năng của con người và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh. 		0,5
2. Cảm nhận về vẻ đẹp của Thúy Kiều:		
a) Mở đầu đoạn trích Nguyễn Du khái quát về đẹp của hai Kiều và khắc họa vẻ đẹp của Thúy Vân:		
<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát vẻ đẹp hai Kiều: vẻ đẹp trang trọng quý phái, mùi hương vện mùi. - Nguyễn Du đã miêu tả Thúy Vân trước để làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều theo thủ pháp nghệ thuật đòn bẩy. 		0,5
b) Vẻ đẹp của Thúy Kiều:		
* Vẻ đẹp hình thức:		
<ul style="list-style-type: none"> - Vẻ đẹp của Kiều hội tụ ở đôi mắt: <div style="text-align: center;">Làn thu thủy nét xuân sơn, Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.</div> <p>->Bút pháp ước lệ tượng trưng “Làn thu thủy nét xuân sơn” gợi đôi mắt trong sáng, long lanh như làn nước mùa thu; lông mày thanh tú như dáng núi mùa xuân. Hình ảnh nàng Kiều hiện lên lộng lẫy, sắc nước hương trời khiến “hoa ghen, liễu hờn”. Vẻ đẹp đó còn thể hiện phần tinh anh của trí tuệ, sự mặn mà của tình cảm, như tiềm ẩn phẩm chất cao quý- tài và tình rất đặc biệt của nàng.</p>		1,0
* Vẻ đẹp tài năng:		
<div style="text-align: center;">Thông minh vốn sẵn tính trời, Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm. Cung thương lầu bậc ngũ âm, Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.</div> <ul style="list-style-type: none"> - Kiều là người con gái đa tài, trời phú cho nàng tư chất thông minh nên 		0,75

	<p>tài nào cũng đạt đến độ hoàn thiện, xuất chúng: đủ cả cầm, kì, thi, họa.</p> <p>- Đặc biệt là tài đàn của nàng vượt trội hơn hẳn: tài biểu diễn, sáng tác.</p>	
	<p>* Vẻ đẹp tâm hồn:</p> <p style="text-align: center;">Khúc nhà tay lựa nên chương, Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.</p> <p>- Kiều đã soạn riêng một khúc đàn bạc mệnh mà ai nghe cũng não lòng “Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân”. Đó là tiếng đàn của một trái tim đa sầu đa cảm, tiếng đàn thuộc về thân phận bạc bẽo mong manh.</p> <p>=> Chân dung của Kiều mang tính cách số phận. Sắc đẹp và tài năng của Kiều khiến tạo hóa ghen ghét đố kỵ “hoa ghen, liễu hờn”. Dự báo cuộc đời nàng sẽ gặp nhiều éo le, đau khổ, một tương lai dẫu bề bề sẽ xô cuốn đời nàng.</p>	0,75
	<p>3. Đánh giá:</p> <p>- Bằng việc sử dụng bút pháp ước lệ, tượng trưng cùng với tâm hồn mẫn cảm, sự tài hoa trong việc chắt lọc, trau chuốt ngôn từ, Nguyễn Du đã khắc họa thật sinh động vẻ đẹp hình thức, tài năng, tâm hồn của Thúy Kiều. Ca ngợi vẻ đẹp của Kiều chính là biểu hiện sâu sắc cảm hứng nhân văn trong ngòi bút Nguyễn Du.</p>	0,5
	<p>C. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định lại giá trị đoạn trích.</p> <p>- Nêu cảm nghĩ của bản thân.</p>	0,5

Giám khảo cho điểm tối đa khi bài viết đảm bảo tốt hai yêu cầu về kiến thức và kỹ năng làm bài, cần trân trọng những bài viết sáng tạo, có chất văn.

Lưu ý: Điểm bài thi là tổng điểm các câu cộng lại, tính theo thang điểm 10, điểm lẻ làm tròn tính đến 0,5.

ĐỀ 19	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
	Môn NGỮ VĂN LỚP 9
	Thời gian: 90 phút

)

I/ VĂN – TIẾNG VIỆT (4,0 điểm):

Câu 1: (2 điểm)

Tóm tắt ngắn gọn truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân. Nêu chủ đề của truyện.

Câu 2: (2 điểm)

Kể tên các cách phát triển từ vựng. Giải thích nghĩa của từ “sốt” trong hai câu sau:

a- Anh ấy bị sốt cao.

b- Cuối năm, các siêu thị đang trong cơn sốt hàng điện tử.

II/ LÀM VĂN: (6,0 điểm)

Hãy kể lại một việc tốt em đã làm, khiến bố mẹ (hoặc thầy cô) vui lòng.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2015-2016

MÔN NGỮ VĂN 9

1/ Học sinh trả lời theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong hướng dẫn chấm, thì vẫn cho đủ điểm như hướng dẫn quy định.

2/ Việc chi tiết hóa điểm số (nếu có) so với biểu điểm phải đảm bảo không sai lệch với hướng dẫn chấm và được thống nhất trong tổ chấm kiểm tra.

3/ Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn đến 1 chữ số thập phân. Điểm toàn bài tối đa là 10,0 điểm.

Câu	Đáp án	Điểm
	I/ VĂN –TIẾNG VIỆT (4 điểm)	
Câu 1 (2 điểm)	- Tóm tắt truyện ngắn “Làng” - Kim Lân Yêu cầu : Tóm tắt ngắn gọn; đảm bảo được nội dung cốt truyện (Mở đầu, diễn biến, kết thúc). Đảm bảo nội dung cơ bản sau : + Trong kháng chiến ông Hai là người làng chợ Dầu, có lòng yêu làng quê thắm thiết, buộc phải rời làng, đi tản cư. + Ở nơi tản cư, ông nghe tin đồn làng chợ Dầu theo giặc ông rất khổ tâm và xấu hổ. + Khi tin làng ông theo Tây là tin thất thiệt, được cải chính thì ông lại vui vẻ, phấn chấn như xưa – khoe lòng yêu nước, yêu làng của mình. Chủ đề : Truyện thể hiện tình yêu nước chân thật, trong sáng của	1,5

	nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc.	0,5
Câu 2 (2 điểm)	<p>- Có hai cách phát triển từ vựng:</p> <p>+ Phát triển về nghĩa: theo phương thức ẩn dụ và hoàn dụ</p> <p>+ Phát triển về số lượng: tạo thêm từ mới và mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.</p> <p>- Giải nghĩa từ “ sốt ”:</p> <p>+ Trong câu a: “ sốt ” là sự tăng nhiệt độ của cơ thể người lên quá mức bình thường do bị bệnh.</p> <p>+ Trong câu b: “ sốt ” là sự tăng đột ngột về nhu cầu mua hàng hóa, khiến hàng trở nên khan hiếm, giá tăng nhanh.</p>	0,5 0,5 0,5
	II/ LÀM VĂN (6 điểm)	
	<p>- Mở bài:</p> <p>Giới thiệu câu chuyện (việc tốt) em đã làm khiến bố mẹ (thầy cô) vui lòng.</p> <p>- Thân bài:</p> <p>Kể việc tốt theo trình tự:</p> <p>+ Tình huống diễn ra sự việc.</p> <p>+ Sự việc diễn ra như thế nào.</p> <p>+ Tâm trạng của em khi thấy bố mẹ (thầy cô) vui lòng.</p> <p>+ Thái độ, tâm trạng của bố mẹ (thầy cô) đối với việc tốt đã làm.</p> <p>+ Nghĩ về đức hy sinh của cha mẹ (thầy cô) đã dạy dỗ.</p> <p>+ Kết thúc sự việc (câu chuyện).</p> <p>- Kết bài:</p> <p>Ý nghĩa câu chuyện, suy nghĩ của bản thân, lời khuyên với mọi người.</p> <p>*Yêu cầu cần đạt :</p> <p>- Cách kể tự nhiên, chuyện kể mạch lạc , có bố cục đủ 3 phần.</p> <p>- Có sự kết hợp giữa các phương thức biểu đạt : tự sự kết hợp nghị luận, miêu tả và miêu tả nội tâm, các hình thức đối thoại, độc thoại.</p>	1,0 4,0 1,0

	<p>*Biểu điểm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 5-6: Đảm bảo các yêu cầu trên, bố cục rõ ràng, hợp lý; tự sự kết hợp nghị luận, miêu tả nội tâm, sử dụng các hình thức đối thoại, độc thoại. - Điểm 3-4: Đảm bảo ½ yêu cầu của điểm 5-6, sai vài lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả, đặt câu. - Điểm 1-2: Bài viết sơ sài, sai nhiều lỗi dùng từ, diễn đạt, đặt câu. 	
--	---	--

----- HẾT -----

ĐỀ 20	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 Thời gian: 90 phút
-------	---

I. Trắc nghiệm: (2,0 điểm)

Trả lời các câu hỏi bằng cách ghi chữ cái đầu câu em cho là đúng nhất ra tờ giấy làm bài.

Câu 1: Có mấy cách dẫn lời nói hay dẫn ý nghĩ của người hoặc nhân vật?

- A. Một. B. Hai. C. Ba. D. Bốn.

Câu 2: Trong các từ “*xuân*” sau đây (trích “Truyện Kiều” - Nguyễn Du), từ nào mang nghĩa chuyển?

- A. Trước lầu Ngưng Bích khóa **xuân**. B. Làn thu thủy nét **xuân** sơn.
 C. Ngày **xuân** con én đưa thoi. D. Chị em sắm sửa bộ hành chơi **xuân**.

Câu 3: Từ ngữ tiếng Việt mượn của ngôn ngữ nào nhiều nhất?

- A. Tiếng Pháp. B. Tiếng Anh.
 C. Tiếng Hán. D. Tiếng Nga.

Câu 4: Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống (...) trong câu sau: *Nói chen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là....:*

- A. nói móc. B. nói leo. C. nói mát. D. nói hớt.

Câu 5: Trong các từ Hán - Việt sau, yếu tố “*phong*” nào có nghĩa là “*gió*”?

- A. Phong lưu. C. Cuồng phong.
 B. Phong kiến. D. Tiên phong.

Câu 6: Trong những cách nói sau, cách nói nào **không** sử dụng phép nói quá?

- A. Chưa ăn đã hết. B. Đứt từng khúc ruột.

C. Một tác đến trời.

D. Sự vĩ mô hôi.

Câu 7: Câu: “*Xin ông đừng giận cháu!*” xét theo mục đích nói thuộc kiểu câu gì?

A. Câu nghi vấn.

B. Câu cầu khiến.

C. Câu cảm thán.

D. Câu trần thuật.

Câu 8: Các thành ngữ: *ăn ốc nói mò, ăn không nói có, ăn gian nói dối*, liên quan đến phương châm hội thoại nào ?

A. Phương châm về chất.

B. Phương châm cách thức.

C. Phương châm lịch sự.

D. Phương châm quan hệ.

II. Đọc – hiểu văn bản (2,5 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

“Trong cuộc đời đầy truân chuyên của mình, chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với văn hóa nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới, cả phương Đông và phương Tây. Trên những con tàu vượt trùng dương, Người đã ghé lại nhiều hải cảng, đã thăm các nước châu Phi, châu Á, châu Mỹ. Người đã từng sống dài ngày ở Pháp, ở Anh. Người nói và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại quốc: Pháp, Anh, Hoa, Nga... và Người đã làm nhiều nghề. Có thể nói ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hóa thế giới sâu sắc như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đến đâu Người cũng học hỏi, tìm hiểu văn hóa, nghệ thuật đến một mức khá uyên thâm. Người cũng chịu ảnh hưởng của tất cả các nền văn hóa, đã tiếp thu mọi cái đẹp và cái hay đồng thời với việc phê phán những tiêu cực của chủ nghĩa tư bản. Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại.”

(Trích *Phong cách Hồ Chí Minh*, Lê Anh Trà, Ngữ văn 9, tập một, tr. 5)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?

Câu 2: Qua đoạn trích tác giả đã cho thấy vẻ đẹp của phong cách Hồ Chí Minh được kết hợp hài hòa bởi các yếu tố nào?

Câu 3: Xác định hai danh từ được dùng như tính từ trong câu văn sau và cho biết hiệu quả nghệ thuật của việc dùng từ ấy?

“*Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại.*”

Câu 4: Từ đoạn trích, em rút ra được bài học gì cho bản thân về cách học tập, tiếp thu văn hóa nhân loại?

III. Tập làm văn (5,5 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về bức tranh mùa xuân trong đoạn thơ sau:

Ngày xuân con én đưa thoi,

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Cỏ non xanh tận chân trời,

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

(Trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

Câu 2: (3,5 điểm)

Hãy kể một kỉ niệm sâu sắc nhất của em với thầy(cô) giáo cũ mà em nhớ mãi.

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI Môn: Ngữ văn 9

I. Trắc nghiệm: (2,0 điểm)

Mỗi phương án đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	C	B	C	D	B	A

Câu	Nội dung	Điểm
II. Đọc – hiểu (2,5 điểm)	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: nghị luận 0,5
	2	Vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh được kết hợp hài hòa giữa những ảnh hưởng văn hóa quốc tế với cái gốc văn hóa dân tộc; giữa sự bình dị rất Việt Nam, rất phương Đông với cái hiện đại và mới mẻ. 0,5
	3	- Hai danh từ được sử dụng như tính từ: Việt Nam, phương Đông. - Cách dùng từ ấy có hiệu quả nghệ thuật cao: Tác giả muốn khẳng định và nhấn mạnh bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, bản sắc phương Đông trong con người Bác. 0,25 0,25
	4	HS có thể trình bày ý kiến theo nhiều cách, nhưng cần thể hiện được các ý: + Phải chăm chỉ rèn luyện, học tập, nắm vững kiến thức, học đi đôi với thực hành, vận dụng lí thuyết vào giải quyết vấn đề cuộc sống. Học hỏi, tìm hiểu, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại đồng thời phê phán những ảnh hưởng tiêu cực từ văn hóa ngoại lai. + Không ngừng học tập và làm theo tấm gương phong cách, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh: sống giản dị, giữ gìn và phát huy những bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Tránh xa lối sống sình ngoại, chây lười ỉ lại, buông thả, chạy theo mốt mà quên đi những giá trị văn hóa tốt 0,5 0,5

		đẹp mang bản sắc dân tộc.	
III. Tập làm văn (5,5 điểm)	1	Cảm nhận về bức tranh mùa xuân trong đoạn thơ. Yêu cầu: - Đảm bảo thể thức một đoạn văn. - Cảm nhận sâu sắc, diễn đạt trôi chảy, không sai chính tả. - Nội dung cảm nhận cần nêu bật được các ý cơ bản sau: + Bằng bút pháp miêu tả ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã khắc họa nên một bức tranh khung cảnh thiên nhiên mùa xuân với vẻ đẹp riêng thật tươi đẹp. + Hai dòng thơ câu gợi tả mùa xuân theo cách riêng của tác giả vừa nói về sự trôi chảy của thời gian vừa gợi không gian. Ngày xuân thấm thoát trôi mau, tiết trời đã bước sang tháng ba – tháng cuối của mùa xuân. Giữa bầu trời xuân mênh mông bao la, những cánh én bay đi bay lại như thoi đưa. Các hình ảnh ẩn dụ, nhân hóa (<i>con én đưa thoi</i>), hoán dụ (<i>thiều quang</i>), phụ từ đã không chỉ gợi lên sự trôi chảy quá nhanh của thời gian mà còn gợi lên cả sự sống động, trong sáng, ấm áp, tinh khôi...của đất trời xuân đồng thời gợi cảm giác băng khuâng, nuối tiếc của lòng người... + Hai dòng thơ tiếp là bức họa tuyệt đẹp về mùa xuân. Thảm cỏ non xanh mơn mớn trải rộng tới chân trời tạo gam màu nền cho bức tranh xuân (<i>Cỏ non xanh tận chân trời</i>). Trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng (<i>Cành lê trắng điểm một vài bông hoa</i>). Màu sắc có sự hài hòa tới mức tuyệt diệu, sự phối sắc tài tình. Tất cả đều gợi lên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống (<i>cỏ non</i>), khoáng đạt, trong trẻo (<i>xanh tận chân trời</i>), nhẹ nhàng thanh khiết (<i>trắng điểm một vài bông hoa</i>). Nguyễn Du đã vận dụng sáng tạo ý thơ cổ Trung Hoa: <i>Phương thảo liên thiên bích/Lê chi số điểm hoa</i> vào trong thơ mình. Chữ <i>điểm</i> làm cho cảnh vật thêm sinh động có hồn chứ không hề tĩnh tại. + Chỉ với vài nét vẽ nghệ thuật cùng ngôn ngữ giàu sức gợi hình, gợi cảm, Nguyễn Du đã để lại cho đời một bức tranh khung cảnh thiên nhiên mùa xuân tuyệt đẹp. Ông xứng đáng được tôn vinh là cây bút miêu tả bậc thầy...	0,25
		0,25	
		0,25	
		0,5	

			0,25
2	<p>Yêu cầu về kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết đúng thể loại văn tự sự. Người viết chủ yếu dùng phương thức biểu đạt tự sự, có kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm và nghị luận để diễn tả làm tăng sức truyền cảm, hấp dẫn của truyện. - Bố cục rõ ràng, đủ ba phần: Mở bài (đưa dẫn kỷ niệm của mình với thầy hoặc cô giáo được chọn kể), thân bài (kể về diễn biến câu chuyện), kết bài (khép lại câu chuyện, bộc lộ ấn tượng sâu đậm nhất) - Biết sử dụng thích hợp các hình thức đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm . <p>Về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỷ niệm được chọn kể phải sâu sắc và mang ý nghĩa tích cực, có tác động giáo dục đối với mọi người, nhất là đối với lứa tuổi học trò. - Truyện tạo được tình huống và cốt truyện hấp dẫn, được đưa dẫn, được trình bày diễn biến và được kết thúc một cách tự nhiên. Nhân vật thể hiện những hành vi, cử chỉ, điệu bộ, tâm lí phù hợp với tình huống truyện, thực sự trở thành linh hồn của truyện, tỏa sáng chủ đề tư tưởng của truyện. <p>Cách cho điểm:</p> <p>Điểm 3 – 3,5: Hiểu đề, đáp ứng tốt các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng như trên.</p> <p>Điểm 2 - 2,75: Cơ bản đáp ứng được những yêu cầu trên, có thể mắc một vài lỗi nhỏ.</p> <p>Điểm 1-1,75: Đáp ứng được 1/2 yêu cầu của đề, có thể mắc một vài lỗi nhỏ.</p> <p>Điểm 0,25 – 0,75: Bài viết còn sơ sài, mắc nhiều lỗi diễn đạt.</p> <p>Điểm 0: Không làm bài hoặc lạc đề.</p>	0,5 0,5 0,5 0,5 1,5	